

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HS-ST
Ngày 13/4/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Viết Tác

2. Ông Nông Văn Điền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Du - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Đậu Xuân Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2023/TLST-HS ngày 01/02/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXX-HS ngày 01/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/HSST – QĐ ngày 15/3/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Vũ Thị H, sinh ngày 24 tháng 4 năm 1973 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nơi cư trú: ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; có chồng Trần Văn P (đã chết), và 02 (hai) con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1993; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án hình sự phúc thẩm số 48/2009/HSPT ngày 30/9/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” đã được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 15/4/2022 đến ngày 21/4/2022 thì được tại ngoại và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Thị H1, sinh ngày 19 tháng 9 năm 1978 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nơi cư trú: ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: Nguyễn Thị B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Đỗ Thị C; có chồng Nông Tú H, và 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 15/4/2022 đến ngày 21/4/2022 thì

được tại ngoại và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1973. Trú tại: Tổ G thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Ông Vũ Huy T, sinh năm 1984. Trú tại: Tổ G thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Ông Bế Ngọc T, sinh năm 1967. Trú tại: Thôn C, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Ông Lăng Văn H, sinh năm 1968. Trú tại: Thôn B, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bà Đặng Thị N, sinh năm 1950. Trú tại: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Ông Giá Văn D, sinh năm 1961. Trú tại: Thôn N1, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Ông Hoàng Xuân H, sinh năm 1973. Chỗ ở hiện tại: Tổ C thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Ông Nông Tú H, sinh năm 1976. Trú tại: Nguyễn Thị B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Có mặt)

Bà Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1977. Trú tại: Tổ Q thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Có mặt)

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976. Chỗ ở hiện tại: Thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt)

Ông Triệu Tài L, sinh năm 1976. Trú tại: Thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bà Lục Thị L, sinh năm 1966. Trú tại: Tiểu K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt).

Ông Tô Văn L, sinh năm 1986. Trú tại: Xóm B, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt).

Anh Nông Thái D, sinh năm 2004. Trú tại: Tổ N thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1992. Trú tại: Thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc một số đối tượng có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức bán số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại di động trên địa bàn huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Nên hồi 18 giờ 30 phút cùng ngày, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ Công an tỉnh Bắc Kạn, Công an huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn và Chính quyền địa phương tiến hành

kiểm tra và lập biên bản sự việc 06 đối tượng và tạm giữ các điện thoại di động, máy tính bảng...có liên quan gồm:

Bế Ngọc T, sinh năm 1967 trú tại Thôn C, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn vào hồi 18 giờ 35 phút ngày 13/4/2022. Qua kiểm tra tạm giữ 01 điện thoại di động (*Trong đó có L tin nhắn mua số lô, số đề với Vũ Thị H, sinh năm 1973 trú tại Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn*).

Vũ Huy T, sinh năm 1984 trú tại Tổ G, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn vào hồi 18 giờ 35 phút ngày 13/4/2022. Qua kiểm tra tạm giữ 01 máy tính bảng (*Trong đó có L tin nhắn mua số đề với Vũ Thị H, sinh năm 1973 trú tại Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn*).

Đặng Thị N, sinh năm 1950 trú tại thôn Bản C xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn vào hồi 18 giờ 40 phút ngày 13/4/2022. Qua kiểm tra tạm giữ 01 điện thoại di động (*Trong đó có L tin nhắn mua số đề với Vũ Thị H, sinh năm 1973 trú tại Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn*).

Nguyễn Thị B, sinh năm 1973 trú tại Tổ G, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn vào hồi 18 giờ 50 phút ngày 13/4/2022. Qua kiểm tra tạm giữ 02 điện thoại di động (*Trong đó 01 điện thoại di động có L tin nhắn mua số lô, số đề với Vũ Thị H, sinh năm 1973 trú tại Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn*).

Hoàng Xuân H, sinh năm 1973 trú tại xóm A, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (*Tạm trú tại Tổ C, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn*) vào hồi 19 giờ 40 phút ngày 13/4/2022. Qua kiểm tra tạm giữ 01 điện thoại di động (*Trong đó 01 điện thoại di động có L tin nhắn mua số lô, số đề với Nguyễn Thị H1, sinh năm 1978 trú tại Nguyễn Thị B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn*).

Giá Văn D, sinh năm 1961 trú tại Thôn N1, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn vào hồi 19 giờ 00 phút ngày 13/4/2022. Qua kiểm tra tạm giữ 01 điện thoại di động (*Trong đó 01 điện thoại di động có L tin nhắn mua số lô, số đề với Nguyễn Thị H1, sinh năm 1978 trú tại Nguyễn Thị B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn*).

Trên cơ sở các tài liệu đã thu thập được, cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp đối với người, chỗ ở, phương tiện đối với Vũ Thị H, sinh năm 1973 trú tại Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và Nguyễn Thị H1, sinh năm 1978 trú tại Nguyễn Thị B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

Hồi 20 giờ 05 phút ngày 13/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn đã thi hành Lệnh khám xét đối với Nguyễn Thị H1, qua khám xét đã phát hiện thu giữ: Tổng số tiền **128.355.000đ** (*Một trăm hai mươi tám triệu ba trăm năm mươi năm nghìn đồng*), 01 điện thoại di động, 01 quyển sổ tiết kiệm số 8214848 của Ngân hàng B mang tên Nguyễn Thị H1, 08 bút bi và một số đồ vật, tài sản khác. Tất cả được niêm phong theo quy định để phục vụ công tác điều tra.

Hồi 21 giờ 10 phút ngày 13/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn đã thi hành Lệnh khám xét đối với Vũ Thị H, qua khám xét đã phát hiện thu giữ: Tổng số tiền 52.900.000đ (*Năm mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng*), 02 điện thoại di động, 05 quyển sổ các loại bên trong có ghi chữ, các sổ và một số đồ

vật, tài sản khác. Tất cả được niêm phong theo quy định để phục vụ công tác điều tra.

Để phục vụ việc mở rộng điều tra đối với hoạt động đánh bạc trái phép bằng hình thức bán số lô, số đề của Nguyễn Thị H1 và Vũ Thị H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn đã tiến hành trưng cầu giám định Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn về chữ viết, chữ số trên một số tài liệu tạm giữ của H1 và H mà Cơ quan điều tra thu thập được trong quá trình khám xét.

Tại Kết luận giám định số 200/KL-KTHS ngày 23/9/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn đối với chữ viết của Nguyễn Thị H1 kết luận: *“Chữ viết và chữ số trong mẫu cần giám định (tài liệu ký hiệu A1) với chữ viết và chữ số trong mẫu so sánh (tài liệu ký hiệu M) là do cùng một người viết ra; Chữ viết và chữ số trong mẫu cần giám định (tài liệu ký hiệu A2) với chữ viết và chữ số trong mẫu so sánh (tài liệu ký hiệu M) không đủ cơ sở kết luận giám định”*.

Tại Kết luận giám định số 210/KL-KTHS ngày 30/9/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn đối với chữ viết của Vũ Thị H kết luận: *“Chữ viết và chữ số trong mẫu cần giám định (tài liệu ký hiệu A) với chữ viết và chữ số trong mẫu so sánh (tài liệu ký hiệu M) không phải do cùng một người viết ra”*.

Trên cơ sở kết quả các hoạt động điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bắc Kạn và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã xác định hành vi đánh bạc của các bị cáo Vũ Thị H, Nguyễn Thị H1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau:

Thời gian và cách thức đánh bạc trái phép của Vũ Thị H và Nguyễn Thị H1:

Khoảng tháng 02 năm 2022, Vũ Thị H và Nguyễn Thị H1 nảy sinh ý định đánh bạc trái phép bằng hình thức bán số lô, số đề bằng cách sử dụng điện thoại di động nhắn tin cho nhau qua tin nhắn SMS giữa H1 và H, H1 và H nhắn tin với những người đánh bạc khác để nhằm mục đích thu lợi bất chính (*Do H1 và H tự thực hiện riêng lẻ, không bàn bạc hay cùng nhau thống nhất mua bán số lô, số đề mà tự mỗi người bán số lô, số đề, thu tiền người mua và chi trả tiền T cho người mua khi trúng*). Quá trình thực hiện hành vi mua, bán số lô, số đề từng bị cáo cùng thống nhất về cách thức, quy ước đánh số lô, số đề như sau:

Đối với hình thức mua số đề và ba càng, người mua chọn 01 cặp số bất kỳ (Gồm 02 chữ số) từ 00 đến 99, khi có kết quả xổ số Miền Bắc mở T từ 18 giờ 15 phút đến 18 giờ 30 phút hàng ngày thì đối chiếu, nếu cặp số đã mua trùng với hai chữ số cuối của giải đặc biệt (*Số hàng chục và số hàng đơn vị với các con số từ 00 đến 99*) thì trúng đề, còn lại là không trúng. Nếu trúng đề thì người bán sẽ trả T cho người mua theo tỉ lệ 01 ăn 70 tức là trả T số tiền 70.000đ (*Bảy mươi nghìn đồng*) nếu người mua đánh số tiền 1.000đ (*Một nghìn đồng*) và nếu người chơi sẽ chọn 03 số tự nhiên (*đánh hình thức ba càng với các con số từ 000 đến 999*) để so với 03 số cuối của giải đặc biệt (*Số hàng trăm, chục và số hàng đơn vị*), nếu trúng ba càng thì người bán sẽ trả T cho người mua theo tỉ lệ 01 ăn 350 tức là nếu người mua đánh số tiền 1.000đ (*Một nghìn đồng*) thì sẽ được số tiền 350.000đ (*Ba trăm năm mươi nghìn đồng*).

Đối với hình thức mua số lô, khi có người mua số lô, người mua chọn 01 cặp số bất kỳ (*Gồm 02 chữ số tự nhiên*) từ 00 đến 99, khi có kết quả xổ số Miền Bắc mở T vào 18 giờ 30 phút hàng ngày thì đối chiếu, nếu số đã mua trùng với hai chữ số cuối của bất kỳ các giải (*Từ giải đặc biệt đến giải bảy*) đều trúng lô, còn lại là không trúng. Nếu cặp số đã đánh trùng lặp nhiều lần trở lên ở các giải thì chỉ tính 01 lần (*Tức chỉ tính 01 nháy*) và chỉ quy định thanh toán cho người chơi 01 lần mà không tính lặp ở mức 02 lần (*Gọi là 02 nháy*) trở lên. Nếu người mua trúng một điểm lô (*Một điểm lô Vũ Thị H bán cho người chơi là 22.000đ còn Nguyễn Thị H1 bán cho người chơi là 22.500đ*) thì H và H1 sẽ trả T cho người mua số tiền 80.000đ (*Tám mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra đối với Nguyễn Thị H1: Sau khi bán số lô, số đề, H1 tự mình tổng hợp và chuyển số lô, số đề đã bán để mua lại với Vũ Thị H. H1 có thể chuyển hết những số lô, số đề đã bán hoặc giữ lại để trả T. Ngoài ra H1 còn tự mình mua các số lô, số đề bất kỳ với H. Vũ Thị H bán cho Nguyễn Thị H1 mỗi điểm lô là 22.000đ (*Hai mươi hai nghìn đồng*), với số đề thì H sẽ trừ cho H1 25% (*Hai mươi năm phần trăm*) tổng số tiền mua.

Với cách tính như vậy, H1 sẽ được hưởng chênh lệch mỗi điểm lô là 500đ (*Ví dụ H1 bán cho người mua với H1 01 điểm lô (01 số lô) là 22.500đ sau đó H1 mua số lô này với H chỉ 22.000đ*) và 5% (*Năm phần trăm*) tiền số đề nếu H1 chuyển số lô, số đề đã mua được cho H.

Việc xác định giá tiền mỗi điểm lô và số tiền trích lại khi mua đề do H và H1 tự thỏa thuận với người mua, giữa H1 và H không có thỏa thuận gì về việc hưởng chênh lệch khi H1 chuyển bảng cho H. Việc đánh bạc bằng hình thức số lô, số đề giữa H1 với H thì H1 chỉ là người mua, còn H là người bán (*Chứ H1 không phải là đại lý hay thư ký cho H*)...

Trong quá trình đánh bạc nếu người mua số lô, số đề không trúng T thì người mua mất toàn bộ số tiền bỏ ra để mua số lô, số đề cho H1 và H hoặc H1 sẽ bị mất số tiền mua số lô, số đề với H.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập được Cơ quan điều tra chứng minh được hành vi phạm tội (*Đánh bạc trái phép bằng hình thức bán số lô, số đề*) của Vũ Thị H và Nguyễn Thị H1 cùng các đối tượng khác có liên vào ngày 13/4/2022 như sau:

Hành vi đánh bạc trái phép của Vũ Thị H và Nguyễn Thị H1:

Hành vi đánh bạc trái phép của Nguyễn Thị H1: Ngày 13/4/2022, Nguyễn Thị H1 sử dụng điện thoại di động màn hình cảm ứng, mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng đồng, nhãn hiệu Iphone 6, số IMEI: 356991063505184, điện thoại đã qua sử dụng, số thuê bao 0986.588.662 (*Số thuê bao do H1 được em rể là Tô Văn L, sinh năm 1986 trú tại Xóm B, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cho sử dụng từ tháng 11 năm 2021 và anh L là chủ thông tin theo đăng ký thuê bao số điện thoại*). Mặt khóa mở máy là “888888” do H1 cài đặt và chỉ một mình H1 biết, thực hiện hành vi mua, bán số lô, số đề thể hiện qua các tin nhắn SMS còn L giữ trong chiếc điện thoại di động giữa H1 và những người khác như sau:

Bán cho Giá Văn D, sinh năm 1961, trú tại Thôn N1, xã N, huyện Chợ Đồn (D sử dụng điện thoại di động loại bàn phím, mặt trước và sau màu đỏ trắng, viền xung quanh màu trắng đen, mặt trước in chữ NOKIA, đã cũ, số thuê bao 0355.521.042 và do D đứng tên đăng ký). Nội dung mua bán số đề giữa H1 và D ngày 13/4/2022 được thể hiện trong tin nhắn L trong điện thoại cá nhân của H1 cụ thể như sau:

- D nhắn tin cho H1: “12 20k 69 96 29 92 18 81 04 40 5 k lô 47 74 79 97 49 94 17 71 5 đ” có nghĩa là: D mua số đề 12 = 20.000^d (hai mươi nghìn đồng); các số 69, 96, 29, 92, 18, 81, 04, 40 mỗi số 5.000^d = 40.000^d (bốn mươi nghìn đồng); các số lô 47, 74, 79, 97, 49, 94, 17, 71 mỗi số 05 (năm) điểm = 5 x 8 = 40 điểm, mỗi điểm 22.500^d (hai mươi hai nghìn năm trăm đồng) = 40 x 22.500 = 900.000^d (chín trăm nghìn đồng); tổng cộng là: 960.000^d (Chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

- H1 nhắn cho D “ok” nghĩa là đồng ý bán các số lô, số đề trên.

- Trúng T: So sánh kết quả xổ số kiến thiết miền bắc mở T ngày 13/4/2022, D trúng T các số lô 17, 71, 94 mỗi số 05 (năm) điểm, tổng cộng: 15 (mười năm) điểm x 80.000^d = 1.200.000^d (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

- Tổng số tiền đánh bạc giữa D và H1 ngày 13/4/2022 là: tiền mua số lô, số đề (960.000^d) + tiền trúng T (1.200.000^d) = 2.160.000^d (Hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tuy nhiên giữa H1 và D chưa thanh toán tiền cho nhau. Sau khi D mua với H1 như trên, H1 chuyển mua với H như sau:

+ Số đề 12 D mua 20.000^d (hai mươi nghìn đồng) H1 chuyển hết cho H;

+ Các số đề 69, 96, 29, 92, 18, 81, 04, 40 mỗi số 5.000^d (năm nghìn đồng), H1 chuyển hết cho H.

+ Các số lô 47, 74, 49, 94, D mua với H1 mỗi số 05 (năm) điểm, H1 chuyển cho H các số trên mỗi số 04 (bốn) điểm, giữ lại mỗi số 01 (một) điểm = 90.000^d (chín mươi nghìn đồng) để tự trả thưởng. Ngày 13/4/2022, D trúng thưởng 05 (năm) điểm lô số 94 = 400.000^d (bốn trăm nghìn đồng), H1 phải trả T 01 (một) điểm = 80.000^d (tám mươi nghìn đồng), còn lại chuyển cho H trả T.

+ Các số lô 17, 71 D mua với H1 mỗi số 05 (năm) điểm, H1 chuyển hết cho H

+ Các số lô 79, 97 D mua với H1 mỗi số 05 (năm) điểm, H1 chuyển hết cho H.

Số tiền H1 sẽ hưởng chênh lệch: tiền số đề là 60.000^d (sáu mươi nghìn đồng) x 5% = 3.000^d (ba nghìn đồng); Tiền số lô là 36 (ba mươi sáu) điểm x 500^d (năm trăm đồng) = 18.000^d (mười tám nghìn đồng).

Tiền số lô H1 đánh với D ngoài số chuyển H (mỗi điểm 500^d) là 36 (điểm lô) x 500^d = 18.000^d (mười tám nghìn đồng).

Bán cho Hoàng Xuân H, sinh năm 1973, trú tại xóm A, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (H sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, mặt sau màu xanh đen đã cũ, số IMEI 1: 3863719054078606, số IMEI 2: 863719054078614, số thuê bao 0392.896.608 và do H đứng tên đăng ký). Nội dung mua bán số đề giữa H1 và

H ngày 13/4/2022 được thể hiện trong tin nhắn **L** trong điện thoại cá nhân của H1, H cụ thể như sau:

- H nhắn cho H1: “Lo 55 77 33 20 d de 55 00 505 33 353 50n” có nghĩa là H mua các số lô 55, 77, 33 (3 số lô) mỗi số 20 điểm. Tổng số điểm lô H mua trong ngày 13/4/2022 với H1 là $20 \times 3 = 60$ (sáu mươi) điểm. Mỗi điểm lô là 22.500^d (hai mươi hai nghìn năm trăm đồng). Tổng số tiền mua bán số lô là: $60 \times 22.500^d = 1.350.000^d$ (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). H mua các số đề 55, 00, 50, 05, 33, 35, 53 (07 số đề) mỗi số đề 50.000^d (năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền mua bán số đề là $7 \times 50.000^d = 350.000^d$ (ba trăm năm mươi nghìn đồng).

So sánh kết quả xổ số kiến thiết miền bắc mở thưởng ngày 13/4/2022, H trúng **T** 20 (hai mươi) điểm lô (số 33), mỗi điểm trúng **T** được 80.000^d (tám mươi nghìn đồng). Số tiền H trúng **T** số lô ngày 13/4/2022 là: 20×80.000^d (tám mươi nghìn đồng) = 1.600.000^d (một triệu sáu trăm nghìn đồng). Các số lô, số đề khác không trúng **T**. Tổng số tiền H mua số lô, số đề cộng trúng **T** trong ngày 13/4/2022 là: 1.350.000^d (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) + 350.000^d (ba trăm năm mươi nghìn đồng) + 1.600.000^d (một triệu sáu trăm nghìn đồng) = 3.300.000^d (Ba triệu ba trăm nghìn đồng).

Tuy nhiên giữ H1 và H chưa thanh toán tiền cho nhau. Sau khi H mua các số lô, số đề trên với H1, H1 chuyển hết cho H.

Số tiền H1 sẽ hưởng chênh lệch: Tiền số đề: 350.000^d (ba trăm năm mươi nghìn đồng) $\times 5\% = 17.500^d$ (mười bảy nghìn năm trăm đồng); Tiền số lô: 60 (sáu mươi) điểm $\times 500^d$ (năm trăm đồng) = 30.000^d (ba mươi nghìn đồng).

Tiền số lô H1 đánh với H ngoài số chuyển H (mỗi điểm 500^d) là 60 (điểm lô) $\times 500^d = 30.000^d$ (ba mươi nghìn đồng).

Bán cho Nông Tú H, sinh năm 1976, trú tại Nguyễn Thị B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (*Là chồng của Nguyễn Thị H1 và H sử dụng điện thoại màn hình cảm ứng nhãn hiệu IPHONE 6, mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng đồng, số IMEI: 355403079128325, đã qua sử dụng, số thuê bao 0373.130.213 và do Hoàng Thị N, sinh năm 1992 trú tại thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đứng tên đăng ký số thuê bao điện thoại 0373.130.213 là do H mua điện thoại và có lắp sẵn sim*). Nội dung mua bán số đề giữa H1 và H ngày 13/4/2022 được thể hiện trong tin nhắn **L** trong điện thoại cá nhân của H cụ thể như sau:

- H nhắn “Đầu kếp 50.n.77.5.n” có nghĩa là H mua các số kép (số tự nhiên có hai chữ số có số hàng chục và hàng đơn vị giống nhau: 00, 11, 22...) là 50.000^d (năm mươi nghìn đồng); số 77 là 5.000^d (năm nghìn đồng); tổng cộng là 55.000^d (năm mươi năm nghìn đồng).

- H1 nhắn “ok” tức là đồng ý bán các số trên cho H.

Sau đó H đã đưa cho H1 50.000^d (năm mươi nghìn đồng), do số tiền nhỏ nên H1 và H không tính phần trăm chính xác theo thỏa thuận là H chỉ phải trả 80% số tiền 55.000^d (năm mươi năm nghìn đồng) = 44.000^d (bốn mươi bốn nghìn đồng), việc H trả 50.000^d (năm mươi nghìn đồng) coi như đã hoàn thành việc mua bán số đề với H1.

Sau đó H1 chuyển hết các số đề trên cho H và ngày 13/4/2022, H không trúng thưởng.

Số tiền H1 sẽ hưởng chênh lệch: 55.000^d (năm mươi năm nghìn đồng) $\times 5\%$ = 2.750^d (Hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng)

Hành vi đánh bạc trái phép của Vũ Thị H với Nguyễn Thị H1 và các đối tượng có liên quan:

Ngày 13/4/2022, sau khi bán số lô và số đề như đã nêu ở trên, Nguyễn Thị H1 sử dụng điện thoại có số thuê bao 0986.588.662 đã tổng hợp, chuyển mua số lô, số đề với Vũ Thị H qua tin nhắn và H sử dụng điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE 13, màu phấn hồng, đã qua sử dụng. Mật khẩu mở máy là “220373” do H cài đặt và một mình H biết có số IMEI 1: 35617715190175, số IMEI 2: 356177151850654 bên trong lắp sim điện thoại số thuê bao 0394.132.387 (Sim số điện thoại này theo lời khai nhận của H là do H nhặt được và sử dụng từ năm 2021, không biết của ai. Tuy nhiên qua tra cứu xác định được thông tin theo đăng ký thuê bao số điện thoại thì số điện thoại này là của Nông Thái D, sinh ngày 22/6/2004 trú tại Tổ 6B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn).

Do tại thời điểm Cơ quan Công an đến làm việc và để thi hành lệnh khám xét vào ngày 13/4/2022 đối với Vũ Thị H thì H đã tháo chiếc sim có số thuê bao 0394.132.387 vút vào bồn cầu trong nhà vệ sinh rồi xả nước bồn cầu (Nên quá trình điều tra không thu giữ được chiếc sim), đồng thời H xóa hết tất cả tin nhắn (Gồm cả các tin nhắn chứa nội dung đánh bạc với H và những người khác) có trong chiếc điện thoại di động nêu trên.

Tuy nhiên quá trình điều tra đã chứng minh được ngoài những số lô, số đề mà H1 đã chuyển mua với H1 như đã nêu trên thì H1 còn tự mình mua với H các số lô, số đề khác thể hiện qua các tin nhắn SMS giữa H1 và H vào ngày 13/4/2022 còn L giữ trong điện thoại di động của Nguyễn Thị H1 và việc H bán số lô, số đề qua các tin nhắn SMS cho Nguyễn Thị B, sinh năm 1973, Vũ Huy T, sinh năm 1984 cùng trú tại Tổ G, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Bế Ngọc T, sinh năm 1967 trú tại Thôn C, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Đặng Thị N, sinh năm 1950 trú tại thôn Bản C, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 13/4/2022 còn L giữ trong L giữ điện thoại di động của B, T, T, N

Bán cho Nguyễn Thị H1: Nội dung mua bán số đề giữa H và H1 ngày 13/4/2022 được thể hiện trong tin nhắn L trong điện thoại cá nhân của H1, cụ thể như sau:

- Tin nhắn 1: “Đít 2 .kép.x15n.da.9x15n .da.di.0x20n 82x100n 52 .11 .66 . 161 .x20n. .97 92 72 94 x45n 98 .77x25n 99.00x30n 373.030.070.040.050.030.060.070.080.090x5n” có nghĩa là H1 mua các số đề sau: các số tự nhiên có 02 (hai) chữ số có số đơn vị là 2 (02, 12, 22...gọi là đít 2) với số tiền 15.000^d (mười năm nghìn đồng); các số tự nhiên có 02 (hai) chữ số giống nhau (00, 11, 22...gọi là kép) với số tiền 15.000^d (mười năm nghìn đồng); các số tự nhiên có 02 (hai) chữ số bắt đầu bằng số 9 (90, 91, 92... gọi là đầu 9) với số tiền 15.000^d (mười năm nghìn đồng); các số đầu 0 và đít 0 là 20.000^d (hai mươi nghìn đồng) = 40.000^d (bốn mươi nghìn đồng); số 82 là 100.000^d (một trăm nghìn đồng);

các số 52, 11, 66, 16, 61 mỗi số 20.000^d (hai mươi nghìn đồng) = 100.000^d (một trăm nghìn đồng); các số 97, 92, 72, 94 mỗi số 45.000^d (bốn mươi năm nghìn đồng) = 180.000^d (một trăm tám mươi nghìn đồng); các số 98, 77 mỗi số 25.000^d (hai mươi năm nghìn đồng) = 50.000^d (năm mươi nghìn đồng); các số 99, 00 mỗi số 30.000^d (ba mươi nghìn đồng) = 60.000^d (sáu mươi nghìn đồng); các số 37, 73, 30, 03, 07, 70, 04, 40, 05, 50, 03, 30, 06, 60, 07, 70, 08, 80, 09, 90 mỗi số 5.000^d (năm nghìn đồng) = 100.000^d (một trăm nghìn đồng). Cộng thành tiền: 15.000^d + 15.000^d + 15.000^d + 40.000^d + 100.000^d + 100.000^d + 180.000^d + 50.000^d + 60.000^d + 100.000^d = 675.000^d (Sáu trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

- Tin nhắn 2: “Képx 50n.da.di.1x15n .88 66 16 52 28 00x20n 12x30n 04 40 00 64 88 68 86 62 26 21 67 161 030 040 050x5n 808 38 56 353 50 010 05x10n 10.11x20n 76x200n lo 37 55 82 171 75x2d” có nghĩa là H1 mua các số đề, số lô:

+ Số đề: Kép = 50.000^d (năm mươi nghìn đồng); đầu 1 đít 1 x 15.000^d (mười năm nghìn đồng) = 30.000^d (ba mươi nghìn đồng); các số 88, 66, 16, 52, 28, 00 mỗi số 20.000^d (hai mươi nghìn đồng) = 120.000^d; số 12 là 30.000^d (ba mươi nghìn đồng); các số 04, 40, 00, 64, 88, 68, 86, 62, 26, 21, 67, 16, 61, 03, 30, 04, 40, 05, 50 mỗi số 5.000^d (năm nghìn đồng) = 95.000^d (chín mươi năm nghìn đồng); các số 80, 08, 38, 56, 35, 53, 50, 01, 10, 05 mỗi số 10.000^d (mười nghìn đồng) = 100.000^d (một trăm nghìn đồng); các số 10, 11 mỗi số 20.000^d (hai mươi nghìn đồng) = 40.000^d (bốn mươi nghìn đồng); số 76 là 200.000^d (hai trăm nghìn đồng); Tổng cộng là: 665.000^d (Sáu trăm sáu mươi năm nghìn đồng).

+ Số lô: Các số 37, 55, 82, 17, 71, 75 mỗi số 02 (hai) điểm = 264.000^d (hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Tổng cộng là 264.000^d (hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

- Tin nhắn 3: “82 x260n 52 x25n 72x50n 11 x280n 44.99x10n lô 20 00 81x7d 080 03 07 x2d” có nghĩa H1 mua các số đề số lô như sau:

+ Số đề: 82 là 260.000^d (hai trăm sáu mươi nghìn đồng); số 52 là 25.000^d (hai mươi năm nghìn đồng); số 72 là 50.000^d (năm mươi nghìn đồng); số 11 là 280.000^d (hai trăm tám mươi nghìn đồng); các số 44, 99 mỗi số 10.000^d (mười nghìn đồng) = 20.000^d (hai mươi nghìn đồng). Tổng cộng là: 635.000^d (Sáu trăm ba mươi năm nghìn đồng).

+ Số lô: Các số 20, 00, 81 mỗi số 07 (bảy) điểm = 462.000^d (bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng); các số 08, 80, 03, 07 mỗi số 02 (hai) điểm = 176.000^d (một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Tổng cộng là 638.000^d (Sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng).

- Tin nhắn 4: “84 .99x21đ 77.565.55x2d 44x5d de 84 x60n 48 575 63 646x10n” có nghĩa là H1 mua các số lô, số đề sau:

+ Số lô: Các số 84, 99 mỗi số 21 (hai mươi một) điểm = 924.000^d (chín trăm hai mươi bốn nghìn đồng); các số 77, 56, 65, 55 mỗi số 02 (hai) điểm = 176.000^d (một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng); số 44 là 05 (năm) điểm = 110.000^d (một trăm mười nghìn đồng). Tổng cộng: 1.210.000đ (Một triệu hai trăm mười nghìn đồng).

+ Số đề: Số 84 là 60.000^d (sáu mươi nghìn đồng); các số 48, 57, 75, 63, 64, 46 mỗi số 10.000^d (mười nghìn đồng) = 60.000^d . Tổng cộng là 120.000^d (Một trăm hai mươi nghìn đồng).

- Tin nhắn 5: “Đi 2 x80n .52 . 050.00.55x30n 25 02 20 22 00. 282.787.242.373.282.52.020.22.292x10n lô 86 . 44.88.77.55.00x2d” có nghĩa H1 mua các số đề, số lô như sau:

+ Số đề: Đít 2 là 80.000^d (tám mươi nghìn đồng); các số 52, 05, 50, 00, 55 mỗi số 30.000^d = 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng); các số 25, 02, 20, 22, 00, 28, 82, 78, 87, 24, 42, 37, 73, 28, 82, 52, 02, 20, 22, 29, 92 mỗi số 10.000^d = 210.000^d (hai trăm mười nghìn đồng). Tổng cộng: 440.000^d (Bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

+ Số lô: Các số 86, 44, 88, 77, 55, 00 mỗi số 02 (hai) điểm. Tổng cộng 264.000^d (Hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

- Tin nhắn 6: “101 303 040 505x25n lo 10 303 99x4d” có nghĩa là H1 mua các số đề, số lô như sau:

+ Số đề: các số 10, 01, 30, 03, 04, 40, 50, 05 mỗi số 25.000^d (hai mươi năm nghìn đồng) = 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng).

+ Số lô: các số 10, 30, 03, 99 mỗi số 04 (bốn) điểm = 352.000^d (Ba trăm năm mươi hai nghìn đồng).

- Tin nhắn 7: “Lo 55 77 33 x22d de 55 00 505 33 353 x50n” có nghĩa là H1 mua các số lô, số đề như sau:

+ Số lô: các số 55, 77, 33 mỗi số 22 (hai mươi hai) điểm = $1.452.000^d$ (Một triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng).

+ Số đề: các số 55, 00, 50, 05, 33, 35, 53 mỗi số 50.000^d (năm mươi nghìn đồng) = 350.000^d (Ba trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Tin nhắn 8: “12 x25n 69 96 29 92 18 81 04 40 x5n 02.56x110n 3cang.402x110n lô 474 494 171 77.44.99x4đ 797x7d” có nghĩa là H1 mua các số đề, số lô như sau:

+ Số đề: số 12 là 25.000^d (hai mươi năm nghìn đồng); các số 69, 96, 29, 92, 18, 81, 04, 40 mỗi số 5.000^d (năm nghìn đồng) = 40.000^d (bốn mươi nghìn đồng); các số 02, 56 mỗi số 110.000^d (một trăm mười nghìn đồng) = 220.000^d (hai trăm hai mươi nghìn đồng); số ba càng 402 là 110.000^d (một trăm mười nghìn đồng). Tổng cộng là: 395.000^d (Ba trăm chín mươi năm nghìn đồng).

+ Số lô: các số 47, 74, 49, 94, 17, 71, 77, 44, 99 mỗi số 04 (bốn) điểm = 792.000^d (bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng); các số 79, 97 mỗi số 07 (bảy) điểm = 308.000^d (ba trăm linh tám nghìn đồng). Tổng cộng là $1.100.000^d$ (Một triệu một trăm nghìn đồng).

* H nhắn tin cho H1:

- “ok” có nghĩa là H xác nhận và đồng ý bán các số lô, số đề trên cho H1.

- “Ngày:13/4/2022em chuyen cho chi De:5575,0=4181,2n Lo:240,0=5280,0n3cang:110,0=82,5n Th de:15,0=1050,0n Th lo:51,0=4080,0n em bu cho chi:4413,8n” đây là tin nhắn H tổng hợp kết quả mua bán số lô, số đề ngày 13/4/2022 với H1, có nghĩa là ngày 13/4/2022 H1 mua số đề số tiền là

5.575.000^d (năm triệu năm trăm bảy mươi năm nghìn đồng) trừ 25% còn 4.181.200^d (bốn triệu một trăm tám mươi một nghìn hai trăm đồng); mua số lô là 240 điểm = 5.280.000^d (năm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng); mua ba càng là 110.000^d (một trăm mười nghìn đồng) trừ 25% còn 82.500^d (tám mươi năm nghìn đồng); thắng đề 15.000^d (mười năm nghìn đồng) = 1.050.000^d (một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng); thắng lô 51 (năm mươi một) điểm bằng 4.080.000^d (bốn triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). H1 phải trả H số tiền 4.413.800^d (bốn triệu bốn trăm mười ba nghìn tám trăm đồng). Do đây mới chỉ là số liệu H tổng hợp sơ bộ nên chưa chính xác.

* Trùng T: So sánh kết quả xổ số kiến thiết miền bắc mở thưởng ngày 13/4/2022 thì H1 sẽ trùng T các số lô, số đề mua với H như sau:

- Số đề 64 số tiền là 15.000^d (mười năm nghìn) = 15.000^d x 70 = 1.050.000^d (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Các số lô: 82, 37, 86 mỗi số 02 (hai) điểm; số 81 là 07 (bảy) điểm; số 33 là 22 (hai mươi hai) điểm; các số 17, 71 mỗi số 06 (sáu) điểm, số 94 là 04 (bốn) điểm, tổng cộng là 51 (năm mươi một) điểm = 4.080.000^d (Bốn triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Do đó xác định được ngày 13/4/2022, H1 và H mua bán số lô, số đề với nhau tổng số tiền là: Tiền mua bán số đề là 3.480.000^d (Ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) + tiền mua bán số lô là 5.280.000^d (Năm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) + tiền trùng T số đề là 1.050.000^d (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) + tiền trùng T số lô là 4.080.000^d (Bốn triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng số tiền đánh bạc giữa Nguyễn Thị H1 với Vũ Thị H được xác định là 13.890.000^d (Mười ba triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng). Tuy nhiên giữa H và H1 chưa thanh toán số tiền trên với nhau (Tiền mua số lô, số đề, tiền trùng T).

Bán cho Nguyễn Thị B: B sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màn hình cảm ứng, mặt sau màu đỏ đen, số IMEI 1: 863481049909532, số IMEI 2: 863481049909524, điện thoại đã qua sử dụng bên trong có lắp sim số thuê bao 0868.860.199 (Do B đứng tên đăng ký thông tin số thuê bao. Mật khẩu mở máy là “6699” do B cài đặt và chỉ một mình B biết). Khi mua số đề thì H sẽ trừ cho B 25% (hai mươi năm phần trăm) số tiền mua số đề, số lô thì không trừ phần trăm. Nội dung mua bán số đề giữa H và B ngày 13/4/2022 được thể hiện trong tin nhắn L trong điện thoại cá nhân của B, cụ thể như sau:

+ “Kep. 50/c. 77.6886*10d. 334477.50ng”, có nghĩa là: B mua các số đề là số kép (00, 11, 22, 33, 44, 55, 66, 77, 88, 99) mỗi số 50.000^d (năm mươi nghìn đồng) = 500.000^d (năm trăm nghìn đồng); các số lô 77, 68, 86 mỗi số 10 (mười) điểm = 660.000^d (sáu trăm sáu mươi nghìn đồng); các số đề 33, 44, 77 mỗi số 50.000^d (năm mươi nghìn đồng) = 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ “1001 1881 *10d” có nghĩa là B mua các số lô 10, 01, 18, 81 mỗi số 10 (mười) điểm = 880.000^d (Tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng cộng số tiền B mua số lô, số đề với H là: Tiền mua số đề là: $500.000^d + 150.000^d = 650.000^d$ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Tiền mua số lô là: $660.000^d + 880.000^d = 1.540.000^d$ (Một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

- H nhắn cho B:

+ “ok” có nghĩa là H xác nhận và đồng ý bán các số lô, số đề cho B.

+ “*Ngày:13/4/2022 bjhnh chuyen cho h De:650,0=487,5n Lo:70,0=1540,0n Th lo:20,0=1600,0n bjhnh bu cho h:427,5n*” đây là tin nhắn H gửi cho B, tổng hợp kết quả mua bán số lô, số đề ngày 13/4/2022, có nghĩa là ngày 13/4/2022, B mua số đề số tiền 650.000^d (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) trừ 25 % còn 487.500^d (bốn trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng); mua số lô là 70 (bảy mươi) điểm = $1.540.000^d$ (một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng); thắng lô (trúng T số lô) 20 (hai mươi) điểm = $1.600.000^d$ (một triệu sáu trăm nghìn đồng); B phải trả H số tiền là $487.500^d + 1.540.000^d - 1.600.000^d = 427.500^d$ (Bốn trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

* Trúng T: So sánh kết quả xổ số kiến thiết miền bắc mở thưởng ngày 13/4/2022 thì B sẽ trúng T các số lô 86, 81 mỗi số 10 (mười) điểm = 20 (hai mươi) điểm x $80.000^d = 1.600.000^d$ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Do đó xác định được ngày 13/4/2022, H1 và B mua bán số lô, số đề với nhau tổng số tiền là: Tiền mua bán số đề là 650.000^d (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) + Tiền mua bán số lô là $1.540.000^d$ (một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) + Tiền trúng T số lô là $1.600.000^d$ (một triệu sáu trăm nghìn đồng) = $3.790.000^d$ (Ba triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng). Tuy nhiên giữa H và B chưa thanh toán số tiền trên với nhau (Tiền mua số lô, số đề, tiền trúng T).

Bán cho Vũ Huy T: T sử dụng máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Galaxy Tab A7 Lite màu bạc, số IMEI: 359638220387603, đã qua sử dụng, bên trong có lắp sim số thuê bao 0962.192.377 (Do T đứng tên đăng ký thông tin số thuê bao. Mật khẩu mở máy là “a1234” do T cài đặt và một mình T biết). Khi mua số đề H sẽ trừ cho T 25% (hai mươi năm phần trăm) số tiền mua số đề. Nội dung mua bán số đề giữa H và T ngày 13/4/2022 được thể hiện trong tin nhắn L trong điện thoại cá nhân của T, cụ thể như sau:

- T nhắn cho H: “*45,61 mc50n 90x100n 54,16,09mc10n*” có nghĩa là: T mua các số đề 45, 61 mỗi số 50.000^d (năm mươi nghìn đồng) = 100.000^d (một trăm nghìn đồng); số 90 là 100.000^d (một trăm nghìn đồng); các số 54, 16, 09 mỗi số 10.000^d (mười nghìn đồng) = 30.000^d (ba mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 230.000^d (Hai trăm ba mươi nghìn đồng).

- H nhắn lại:

+ “*em gui cho chj 1 tin*”: Có nghĩa là H xác nhận đã nhận tin nhắn và đồng ý bán các số đề trên.

+ “*Ngày:13/4/2022 em chuyen cho chj De:230,0=172,5n em bu cho chj:172,5n*” có nghĩa: H tổng hợp kết quả mua bán số đề giữa H và T, có nghĩa là: T mua số đề số tiền là 230.000^d (hai trăm ba mươi nghìn đồng), trừ 25% còn 172.500^d (một trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng) là số tiền T phải trả cho

H. So sánh kết quả xổ số kiến thiết miền bắc mở thường ngày 13/4/2022 thì Tuần không trúng **T**.

Do đó xác định được ngày 13/4/2022, tổng số tiền đánh bạc giữa H và **T** là: 230.000^d (Hai trăm ba mươi nghìn đồng). Tuy nhiên giữa H và **T** chưa thanh toán số tiền trên với nhau.

Bán cho Bé Ngọc T: **T** sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu REALME, màu xanh đen, loại điện thoại màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 868383040731235, số IMEI 2: 868383040731227 đã qua sử dụng bên trong có lắp sim số thuê bao 0393.310.872 (Do **T** đứng tên đăng ký thông tin số thuê bao. Mật khẩu mở máy là “668899” do **T** cài đặt và một mình **T** biết). Khi mua số đề H sẽ trừ cho **T** 25% (hai mươi năm phần trăm) số tiền mua số đề. Nội dung mua bán số đề giữa H và **T** ngày 13/4/2022 được thể hiện trong tin nhắn **L** trong điện thoại cá nhân của **T**, cụ thể như sau:

- **T** nhắn cho H:

+ “*Đe 12 21 23 32 20 c 10nh*” có nghĩa **T** mua các số đề 12, 21, 23, 32, 20 mỗi số 10.000đ (mười nghìn đồng) = 50.000^d (năm mươi nghìn đồng).

+ “*Lô 02 5đ đe02 20c 10n*” có nghĩa **T** mua số lô 02 là 05 (năm) điểm = 110.000^d (một trăm mười nghìn đồng), các số đề 02, 20 mỗi số 10.000^d (mười nghìn đồng) = 20.000^d (hai mươi nghìn đồng).

- H nhắn lại:

+ “*anh gui cho em 2 tin*”: Có nghĩa là H xác nhận đã nhận tin nhắn và đồng ý bán các số lô, số đề trên.

+ “*Ngay:13/4/2022 anh chuyen cho em De:70,0=52,5n Lo:5,0=110,0n anh bu cho em 162,5n*”: đây là tin nhắn H tổng hợp kết quả mua bán số lô, số đề với **T**, có nghĩa là ngày 13/4/2022 **T** mua số đề là 70.000^d (bảy mươi nghìn đồng), trừ 25% còn 52.500^d (năm mươi hai nghìn năm trăm đồng), tiền mua số lô là 05 (năm) điểm = 110.000^d (một trăm mười nghìn đồng), tổng số tiền **T** phải trả là 52.500^d + 110.000^d = 162.500^d (một trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Trong những số lô, số đề trên thì các số 12, 21, 23, 32, 20 là các số đề **T** mua giúp Lăng Văn H, sinh năm 1968, trú tại Thôn B, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn số điện thoại 0982.173.519 (Do **H** đứng tên đăng ký thông tin số thuê bao) thể hiện trong tin nhắn **H** gửi cho **T** vào ngày 13/4/2022 còn **L** trong điện thoại cá nhân của **T** (Trong điện thoại tạm giữ của **H** thì tin nhắn **H** đã xóa), cụ thể: “*12 21 23 32 20 de con 10 nghìn*” có nghĩa **H** nhờ **T** mua hộ các số đề 12, 21, 23, 32, 20 mỗi số 10.000đ (mười nghìn đồng) = 50.000^d (năm mươi nghìn đồng) và sau đó **T** đã gửi tin nhắn mua số đề này với H giúp **H**. So sánh kết quả xổ số kiến thiết miền bắc mở thường ngày 13/4/2022 thì số đề **H** nhờ **T** mua không trúng **T**. Do đó xác định ngày 13/4/2022 số tiền đánh bạc **H** nhờ **T** mua là 50.000^d (năm mươi nghìn đồng) và giữa **T** và **H** chưa thanh toán số tiền này với nhau.

So sánh kết quả xổ số kiến thiết miền bắc mở thường ngày 13/4/2022 thì **T** không trúng **T** số lô, số đề nào với H. Do đó xác định được ngày 13/4/2022, tổng số tiền đánh bạc giữa H và **T** là 180.000^d (một trăm tám mươi nghìn đồng) và giữa H và **T** chưa thanh toán số tiền này với nhau.

Bán cho Đặng Thị N: N sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu xanh đen, loại điện thoại bàn phím, số IMEI 1: 352377076536743, số IMEI 2: 352377076536750 đã qua sử dụng bên trong có lắp sim số thuê bao 0982.976.714 (*Do N đứng tên đăng ký thông tin số thuê bao*). Tuy nhiên giữa H và N có thỏa thuận riêng đó là khi mua số đề H sẽ trừ cho N 25% (hai mươi năm phần trăm) số tiền mua số đề và số lô 01 (một) điểm là 23.000^d (hai mươi ba nghìn đồng) và không trừ phần trăm. Nội dung mua bán số đề giữa H và N ngày 13/4/2022 được thể hiện trong tin nhắn L trong điện thoại cá nhân của H cụ thể như sau:

- N nhắn cho H:

+ “09,90x1d”: Có nghĩa là mua các số lô 09, 90 mỗi số 01 (một) điểm, tổng cộng 02 (hai) điểm = 46.000^d (bốn mươi sáu nghìn đồng).

+ “27,72,51x1d”: Có nghĩa là mua các số lô 27, 72, 21 mỗi số 01 (một) điểm, tổng cộng 03 (ba) điểm = 69.000^d (sáu mươi chín nghìn đồng).

+ “26, 62, 65x1d”: Có nghĩa là mua các số lô 26, 62, 65 mỗi số 01 (một) điểm, tổng cộng 03 (ba) điểm = 69.000^d (sáu mươi chín nghìn đồng).

+ “77,09,90,72,51,15,71=2”: Có nghĩa là mua các số đề 77, 09, 90, 72, 51, 15, 71 mỗi số 2000đ (hai nghìn đồng) = 14.000^d (mười bốn nghìn đồng).

- H nhắn cho N;

+ “ba gui cho chau 4 tin”: Có nghĩa H xác nhận đã nhận được 04 (bốn) tin nhắn trên, đồng ý bán các số lô, số đề đó.

+ “ba gui cho chau:De:14,0=11,2n; Lo:8,0=184,0n th lo:2,0=160,0n; ba bu cho chau35,2n”: đây là tin nhắn H gửi cho N tổng hợp kết quả mua bán số lô, số đề ngày 13/4/2022, có nghĩa là N mua số đề là 14.000^d (mười bốn nghìn đồng) trừ phần trăm còn 11.200^d (mười một nghìn hai trăm đồng), tiền mua số lô là 08 (tám) điểm = 8 x 23.000^d (hai mươi ba nghìn đồng) = 184.000^d (một trăm tám mươi bốn nghìn đồng), trúng T số lô (thắng lô) 02 (hai) điểm = 160.000^d (một trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng số tiền N phải trả là 11.200^d + 184.000^d - 160.000^d = 35.200^d (ba mươi năm nghìn hai trăm đồng). Do đây mới chỉ là số liệu H tổng hợp sơ bộ nên chưa chính xác.

* Trúng T: So sánh kết quả xổ số kiến thiết miền bắc mở thưởng ngày 13/4/2022 thì N chỉ trúng T các số lô 26, 62 mỗi số 01 (một) điểm = 160.000^d (một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Do đó xác định được ngày 13/4/2022, H và N mua bán số lô, số đề với nhau tổng số tiền là: Tiền mua số đề là 14.000^d (mười bốn nghìn đồng) + Tiền mua số lô là 184.000^d (một trăm tám mươi bốn nghìn đồng) + Tiền trúng T số lô là 160.000^d (một trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng số tiền đánh bạc giữa H và N được xác định là 358.000^d (ba trăm năm mươi tám nghìn đồng). Tuy nhiên giữa H và N chưa thanh toán số tiền trên với nhau (*Tiền mua số lô, số đề, tiền trúng T*).

Ngoài ra quá trình điều tra xác định được trước ngày 13/4/2022 thì Vũ Thị H còn được bán số đề cho Vũ Huy T, hành vi đánh bạc có liên quan đến Nguyễn Thị H1 và một số nội dung khác liên quan vụ án như sau:

Hành vi Vũ Thị H bán số đề cho Vũ Huy T trước ngày 13/4/2022.

- Ngày 22/3/2022, T nhắn tin mua số đề với H 02 (hai) tin, nội dung:

+ Tin 1: “79,97,52 mcx30n 25x100n 96,98,24mcx10n” có nghĩa là: **T** mua các số đề 79, 97, 52 mỗi số 30.000đ (ba mươi nghìn đồng) = 90.000^d (chín mươi nghìn đồng), số đề 25 là 100.000^d (một trăm nghìn đồng), các số đề 96, 98, 24 mỗi số 10.000đ (mười nghìn đồng) = 30.000^d (ba mươi nghìn đồng).

+ Tin 2: “34, 43,07,70 mcx20n” có nghĩa là: **T** mua các số đề 34, 43, 07, 70 mỗi số 20.000^d (hai mươi nghìn đồng) = 80.000^d (tám mươi nghìn đồng).

H nhắn cho **T** tin nhắn có nội dung: “ok”: có nghĩa là đồng ý bán các số đề trên.

+ “Ngày:22/3/2022 em chuyen cho chj De:300,0=225,0n em bu cho chj:225,0n...”: Đây là tin H tổng hợp số đề bán cho **T** ngày 22/3/2022, có nghĩa là: Ngày 22/3/2022, **T** mua số đề với số tiền là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng), H trừ cho **T** 25% còn 225.000^d (hai trăm hai mươi năm nghìn đồng) là tiền **T** phải trả H.

Do đó xác định được ngày 22/3/2022, tổng số tiền đánh bạc giữa H và **T** là: 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) và **T** không trúng **T**. Số tiền này sau đó Tuấn đã thanh toán cho H bằng tiền mặt.

- Ngày 23/3/2022, **T** nhắn tin mua số đề với H: “17,71,70mc30n 07x50n” có nghĩa: **T** mua các số đề 17, 71, 70 mỗi số 30.000đ (ba mươi nghìn đồng) = 90.000^d (chín mươi nghìn đồng), số 07 là 50.000^d (năm mươi nghìn đồng).

- H nhắn cho **T**: “ok” có nghĩa là đồng ý bán các số đề trên cho **T**.

+ “Ngày:23/3/2022 em chuyen cho chj De:140,0=105,0n embu cho chj:105,0n...”: Đây là tin H tổng hợp số đề **T** mua với H ngày 23/3/2022, có nghĩa: Ngày 23/3/2022, **T** mua số đề số tiền là 140.000^d (một trăm bốn mươi nghìn đồng), trừ 25% còn 105.000^d (một trăm linh năm nghìn đồng) là tiền **T** phải trả.

Do đó xác định được ngày 23/3/2022, tổng số tiền đánh bạc giữa H và **T** là: 140.000^d (một trăm bốn mươi nghìn đồng) và **T** không trúng **T**. Số tiền này sau đó Tuấn đã thanh toán cho H bằng tiền mặt.

- Ngày 25/3/2022, **T** nhắn tin mua số đề, ba càng với H: “10x500n 01x50n 20,30,40,70mcx20n 02,03,04,07,43,34 mcx10n 3cang 010 x50n” có nghĩa: **T** mua số đề 10 là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), số đề 01 là 50.000đ (năm mươi nghìn đồng), các số 20, 30, 40, 70 mỗi số 20.000đ (hai mươi nghìn đồng) = 80.000đ (tám mươi nghìn đồng), các số 02, 03, 04, 07, 43, 34 mỗi số 10.000đ (mười nghìn đồng) = 60.000đ (sáu mươi nghìn đồng), số 010 là 50.000đ (năm mươi nghìn đồng).

- H nhắn cho **T**: “ok”: có nghĩa là đồng ý bán các số đề, ba càng trên cho **T**.

+ “Ngày:25/3/2022 em chuyen cho chj De:690,0=517,5n 3cang:50,0=37,5n em bu cho chj:555,0n”: Đây là tin nhắn H tổng hợp kết quả mua bán số đề ngày 25/3/2022 có nghĩa **T** mua số đề với H số tiền 690.000^d (sáu trăm chín mươi nghìn đồng) trừ đi 25% còn 517.500^d (năm trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng), riêng số đề ba càng (số 010) là 50.000^d (năm mươi nghìn đồng) trừ 25% còn 37.500^d (ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Số tiền **T** phải trả cho H là 555.000^d (năm trăm năm mươi năm nghìn đồng).

Do đó xác định được ngày 25/3/2022, H bán số đề, ba càng cho **T** tổng số tiền là 740.000^d (bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) và **T** không trúng **T**. Số tiền này sau đó Tuấn đã thanh toán cho H bằng tiền mặt.

- Ngày 31/3/2022, **T** nhắn tin mua số đề với H:
 + “68x200n 86,34,43,70,07mcx10n”: Có nghĩa **T** mua số đề 68 là 200.000^d (hai trăm nghìn đồng), các số 86,34,43,70,07 mỗi số 10.000^d (mười nghìn đồng) = 50.000^d (năm mươi nghìn đồng).
 + “03,30,23,32 mcx10n 3cang368x50n”: Có nghĩa là **T** mua các đề 03, 30, 23, 32 mỗi số 10.000^d (mười nghìn đồng) = 40.000^d (bốn mươi nghìn đồng), riêng số đề ba càng (số 368) là 50.000^d (năm mươi nghìn đồng).
- H nhắn cho **T**: “ok” có nghĩa là đồng ý bán số đề, ba càng như trên cho **T**.
 + “Ngày:31/3/2022 em chuyen cho chị De:290,0=217,5n 3Cang:50,0=37,5n em bu cho chị:255,0n”: Đây là tin nhắn H tổng hợp kết quả mua bán số đề với **T**, có nghĩa: ngày 31/3/2022, **T** mua số đề số tiền là 290.000^d (hai trăm chín mươi nghìn đồng), trừ 25% còn 217.500^d (hai trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng), riêng số 368 là 50.000^d (năm mươi nghìn đồng) trừ 25% còn 37.500^d (ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Do đó xác định được ngày 31/3/2022, H bán số đề, ba càng cho **T** tổng số tiền là 340.000^d (ba trăm bốn mươi nghìn đồng) và **T** không trúng **T**. Số tiền này sau đó Tuấn đã thanh toán cho H bằng tiền mặt.

Những nội khác liên quan đến hành vi đánh bạc trái phép của Nguyễn Thị H1 và các nội dung khác liên quan đến vụ án.

- Đối với người đàn ông tên Ngọc (*H1 không rõ họ tên, địa chỉ*): Theo lời khai của Nguyễn Thị H1 và tin nhắn từ số điện thoại thuê bao 0965.430.319 còn **L** trong máy điện thoại của H1 thể hiện: Ngày 13/4/2022, Ngọc có nhắn tin mua số lô, số đề với H1 với tổng số tiền là 4.868.000^d (Bốn triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Tuy nhiên qua thu thập xác định số điện thoại thuê bao 0965.430.319 do Lê Thị T, sinh năm 1986 trú tại V, huyện V, tỉnh Thái Bình đứng tên đăng ký thông tin thuê bao. Tuy nhiên qua xác minh tại địa phương không có người nào có lai lịch như trên.

- Đối với người đàn ông tên **H** (*H1 không rõ họ tên, địa chỉ*): Theo lời khai của Nguyễn Thị H1 và tin nhắn từ số điện thoại thuê bao 0326.760.313 còn **L** trong máy điện thoại của H1 thể hiện: Ngày 13/4/2022, **H** có nhắn tin mua số lô, số đề với H1 với tổng số tiền là 2.589.000^d (Hai triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng). Tuy nhiên qua thu thập xác định số điện thoại thuê bao 0326.760.313 do Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1994, trú tại P, xã C, huyện P, tỉnh An Giang đứng tên đăng ký thông tin thuê bao (*Ủy thác điều tra xác minh tại địa phương không có người nào có lai lịch như trên*).

- Đối với Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 trú tại Tổ 11/9, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (*Tạm trú Thôn P, xã B, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn*): Theo lời khai của Nguyễn Thị H1 và tin nhắn từ số điện thoại thuê bao 0354.125.416 còn **L** trong máy điện thoại của H1 thể hiện: Ngày 13/4/2022, **T** có nhắn tin mua số lô, số đề với H1 với tổng số tiền là 870.000^d (Tám trăm bảy mươi nghìn đồng). Tuy nhiên quá trình điều tra chị **T** khai nhận không được đánh bạc với H1 như H1 đã khai và bản thân không sử dụng số thuê bao 0354.125.416. Qua thu thập xác định số điện thoại thuê bao 0354.125.416 do Nguyễn Thị N, sinh năm 1958 trú tại

tổ 1, ấp V, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang đứng tên đăng ký thông tin thuê bao. Tuy nhiên quá trình điều tra, xác minh chị N khai nhận bản thân không biết vì sao thông tin đăng ký số điện thoại thuê bao 0354.125.416 lại mang thông tin của chị và chị không sử dụng số thuê bao trên, cũng như không quen biết với Nguyễn Thị H1.

- Đối với Triệu Tài L, sinh năm 1976 trú tại Thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn khai nhận: Ngày 13/4/2022, L có được sử dụng số điện thoại có số thuê bao 0853.649.488 (Do L đứng tên đăng ký thông tin số thuê bao) nhắn tin đến số thuê bao 0354.125.416 để mua số lô, số đề với Nguyễn Thị T. Tuy nhiên L không nhớ đã mua những số gì, bao nhiêu tiền. Nguyễn Thị T không thừa nhận việc bản thân được bán số lô, số đề cho L và số thuê bao 0354.125.416 không phải của T.

- Đối với người phụ nữ tên Phụng (Nguyễn Thị B không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể): Theo lời khai của Nguyễn Thị B và tin nhắn từ số điện thoại thuê bao 0332.520.858 còn L trong máy điện thoại của B thể hiện: Ngày 13/4/2022, B có nhắn tin mua số lô, số đề với Phụng với tổng số tiền là 5.540.000^d (năm triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng). Tuy nhiên qua thu thập xác định số điện thoại thuê bao 0332.520.858 do Lục Thị L, sinh năm 1966 trú tại Tiểu K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đứng tên đăng ký thông tin thuê bao. Tuy nhiên quá trình điều tra, xác minh chị L khai nhận bản thân không biết vì sao thông tin đăng ký số điện thoại thuê bao 0332.520.858 lại mang thông tin của chị và chị không sử dụng số thuê bao trên.

- Đối với Lăng Văn H, sinh năm 1968, trú tại Thôn B, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn Theo lời khai của Bé Ngọc T và tin nhắn từ số điện thoại thuê bao 0982.173.519 (Do H đứng tên đăng ký thông tin số thuê bao) có nhắn tin đến số thuê bao 0393.310.872 (Do T đứng tên đăng ký thông tin số thuê bao) để nhờ T mua 05 số đề 12, 21, 23, 32, 20 mỗi số 10.000đ (mười nghìn đồng). So sánh kết quả xổ số kiến thiết miền bắc mở thưởng ngày 13/4/2022 thì số đề H nhờ T mua không trúng T. Do đó xác định ngày 13/4/2022 số tiền đánh bạc H nhờ T mua là 50.000^d (năm mươi nghìn đồng) và giữa T và H chưa thanh toán số tiền này với nhau.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án xác định tổng số tiền đánh bạc trái phép bằng hình thức mua bán số lô, số đề trong ngày 13/4/2023 của từng bị can phải chịu trách nhiệm hình sự như sau:

Đối với Vũ Thị H là 18.448.000^d (Mười tám triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng) gồm: Tiền đánh với H1 là 13.890.000^d (mười ba triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng); tiền đánh với B là 3.790.000^d (ba triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng); tiền đánh với T là 230.000^d (hai trăm ba mươi nghìn đồng), tiền đánh với T là 180.000^d (một trăm tám mươi nghìn đồng); tiền đánh với N là 358.000^d (ba trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Đối với Nguyễn Thị H1 tham gia đánh bạc ngày 13/4/2022 với tổng số tiền là 19.405.000^d (Mười chín triệu bốn trăm lẻ năm nghìn đồng) bao gồm: Tiền đánh bạc với H là 13.890.000^d (mười ba triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng); tiền đánh bạc với D là 2.160.000^d (hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng); tiền đánh

bạc với H là 3.300.000^d (ba triệu ba trăm nghìn đồng), tiền đánh bạc với H là 55.000^d (năm mươi năm nghìn đồng).

Về vật chứng gồm: Các vật chứng hiện đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn đúng theo trình tự tổ tụng gồm:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE 13, màu phân hồng, đã qua sử dụng. Số IMEI 1: 35617715190175, số IMEI 2: 356177151850654, bên trong ép sim vật lý số thuê bao 0987.527.666;

- 01 (một) quyển sổ bìa da màu đen, bên trong có chữ, sổ viết tay;

- 01 (một) chiếc túi giả da màu đen, dây đeo giả da và kim loại;

- 01 (một) Thẻ ngân hàng LienVietPostBank màu vàng, số thẻ: 9704490900025241, mang tên Vũ Thị H;

- 02 (hai) sổ bìa da màu đen bên trong sổ ghi các chữ, sổ;

- 01 (một) sổ bìa da màu đỏ có ghi các chữ, sổ;

- 01 (một) kết sắt màu vàng đồng bằng kim loại nhãn hiệu DIAMOND; 01 (một) đôi bông tai bằng kim loại màu vàng;

- 02 (hai) chìa khóa (một chiếc màu xanh lam, một chiếc màu đỏ);

- 01 (một) sổ bìa da màu đỏ bên trong không ghi chữ, sổ tạm giữ của Vũ Thị

H.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng đồng, nhãn hiệu IPHONE 6, số IMEI: 356991063505184, đã qua sử dụng, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0986.588.622;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động loại bàn phím, nhãn hiệu ITEL màu xanh, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 357626135708007, số IMEI 2: 357626135708015, không lắp thẻ sim;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu IPHONE 11 màu xanh, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 356552103226429, số IMEI 2: 356552103186599, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0985.331.547;

- 01 (một) thẻ BIDV số 9704180089616668 mang tên NGUYEN THI HIEN; 08 (tám) bút bi màu đỏ nhãn hiệu matixs;

- 01 (một) quyển sổ màu vàng, mặt trước có ghi “Giáo án”, bên trong có ghi các số và chữ bằng mực màu đỏ và 70 (bảy mươi) tờ giấy có dòng kẻ được cắt đôi;

- 01 (một) tờ lịch bị xé đôi ghi tháng tư/2022, mặt sau có ghi các chữ và số;

- 01 (một) tờ lịch ghi ngày 25/9/2022 trên mặt có ghi các chữ và số;

- 02 (hai) nửa trang giấy có dòng kẻ ngang có ghi nhiều chữ, sổ;

- 01 (một) quyển sổ tiết kiệm số 8214848 của Ngân hàng B mang tên Nguyễn Thị H1, số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng);

- 01 (một) máy tính nhãn hiệu casio đã qua sử dụng tạm giữ của Nguyễn Thị H1.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen, loại điện thoại màn hình đen trắng có bàn phím, số IMEI 1: 357712106210510, số IMEI 2: 357712108210518, đã qua sử dụng, bên trong có gắn thẻ sim số thuê bao 0982.173.519 tạm giữ của Lăng Văn H.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu REALME, màu xanh đen, loại điện thoại màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 868383040731235, số IMEI 2: 868383040731227, đã qua sử dụng, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0393.310.872 tạm giữ của Bế Ngọc T.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu nâu, loại điện thoại bàn phím, số Seri 1: 353120115091927, đã qua sử dụng, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0384.124.716 tạm giữ của Nguyễn Thị T.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động bàn phím, mặt trước và sau màu đỏ trắng, viền xung quanh màu trắng đen, mặt trước in chữ NOKIA, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0355.521.042 tạm giữ của Giá Văn D.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu IPHONE 6, mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng đồng, số IMEI: 355403079128325, đã qua sử dụng, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0373.130.213 tạm giữ của Nông Tú H.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu xanh đen, loại điện thoại bàn phím, số IMEI 1: 352377076536743, số IMEI 2: 352377076536750, đã qua sử dụng, bên trong gắn 02 thẻ sim số thuê bao 0367.605.071 và 0982.976.714 tạm giữ của Đặng Thị N.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Redmi, mặt sau màu xanh đen đã cũ, số IMEI 1: 3863719054078606, số IMEI 2: 863719054078614, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0392.896.608 tạm giữ của Hoàng Xuân H.

- 01 (một) chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Galaxy Tab A7 Lite màu bạc, số IMEI: 359638220387603, đã qua sử dụng, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0962.192.377 tạm giữ của Vũ Huy T.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màn hình cảm ứng, mặt sau màu đỏ đen, số IMEI 1: 863481049909532, số IMEI 2: 863481049909524, đã qua sử dụng, bên trong gắn 02 thẻ sim số thuê bao 0868.860.199 và 0966.031.511;
01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu IPHONE 7 Plus, mặt sau màu vàng đồng, số IMEI: 353812080646947, đã qua sử dụng, tạm giữ của Nguyễn Thị B.

- Đối với tổng số tiền 181.255.000đ (*Một trăm tám mươi một triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng*), trong đó tạm giữ của Vũ Thị H số tiền 52.900.000đ (*năm mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng*) và Nguyễn Thị H1 tổng số tiền 128.355.000đ (*Một trăm hai mươi tám triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) được đựng trong 05 phong bì niêm phong trong 01 phong bì ký hiệu KB1.

* Đối với số tiền đánh bạc trái phép vào ngày 13/4/2022 giữa Vũ Thị H và Nguyễn Thị H1 đánh bạc với nhau và Vũ Thị H đánh bạc với Nguyễn Thị B, Vũ Huy T, Bế Ngọc T (*Trong đó có số tiền 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) Lãng Văn H nhờ T mua 05 số đề với H*), Đặng Thị N. Nguyễn Thị H1 đánh bạc với Giá Văn D, Hoàng Xuân H. Do các bị can và đối tượng chưa kịp thanh toán cho nhau thì bị phát hiện. Quá trình điều tra chưa tiến hành tạm giữ được.

* Đối với chiếc sim có số thuê bao 0394.132.387 mà Vũ Thị H sử dụng để liên lạc với việc đánh bạc (bán số lô, số đề). Do tại thời điểm Cơ quan Công an

đến làm việc và đề thi hành lệnh khám xét vào ngày 13/4/2022 đối với Vũ Thị H thì H đã tháo chiếc sim vứt vào bồn cầu trong nhà vệ sinh rồi xả nước bồn cầu. Nên quá trình điều tra không thu giữ được chiếc sim.

* Đối với các tài sản, đồ vật khác không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị can, liên quan đến vụ án và các chủ sở **H** đều có đơn xin nhận lại. Xét thấy không cần thiết phải tạm giữ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn đã trả lại cho chủ sở **H** hợp pháp gồm:

- 01 (một) thẻ căn cước công dân số 006173002639 của Vũ Thị H ;
- 01 (một) Giấy phép lái xe số 061047001267 của Vũ Thị H.
- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Văn V;

- 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô - xe máy số 21XMP213537479; 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE 7, màu vàng, đã qua sử dụng. Số IMEI: 355315085776972, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0987.035.504 của Nguyễn Văn V (Nguyễn Thị M N).

- 01 (một) Đăng ký mô tô, xe máy, biển số đăng ký 97F8-2411, nhãn hiệu HONDA; số loại BLADE, màu đỏ đen bạc, cấp ngày 07/4/2010; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô - xe máy số 21XMP213537478 của Trần Thị H.

- 01 (một) Căn cước công dân số 006178002267 mang tên Nguyễn Thị H1; 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở **H** nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BA984137 mang tên Mã Thị D, trú tại tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; 01 (một) giấy vay tiền của Mã Thị D, trú tại tổ A, thị trấn B, Chợ Đồn, Bắc Kạn; 01 (một) giấy vay tiền của Đặng Văn Q, trú tại Nguyễn Thị B, thị trấn B, C, Bắc Kạn của **Nguyễn Thị H1**.

- 01 (một) căn cước công dân của Nguyễn Thị B.

- 01 (một) Giấy chứng minh thư nhân dân của Nguyễn Thị T.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màn hình cảm ứng, mặt sau màu đen, số IMEI 1: 868490036757296, số IMEI 2: 868490036757284, điện thoại đã qua sử dụng của Vũ Văn N.

Tại bản cáo trạng số: 08/CT-VKSCĐ ngày 31/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn, truy tố đối với Vũ Thị H, Nguyễn Thị H1 về tội: "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

* Kiểm sát viên - Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn thực hành quyền công tố tại phiên tòa đọc bản luận tội và đề nghị: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo bản cáo trạng. Tuyên bố bị cáo Vũ Thị H, bị cáo Nguyễn Thị H1 phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ khoản 1,3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Thị H từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng.

Phạt bổ sung bị cáo H từ: 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 38, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

Phạt bổ sung bị cáo H1 từ: 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về Vật chứng: Căn cứ Điều 46,47/BLHS; Điều 106/BLTTHS. Đề nghị xử lý vật chứng như sau:

Đối với Vũ Thị H và những người liên quan đến H:

Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước: 01(một) chiếc điện thoại di động IPHONE 13 đã qua sử dụng, chiếc sim tịch thu tiêu hủy.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị M N là con dâu người đại diện của bà Nguyễn Thị L (Bà L đã chết) số tiền: 50.000.000đ và 01 (một) đôi bông tai bằng kim loại màu vàng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền: 2.900.000đ của Vũ Thị H để thi hành án.

Tiếp tục tạm giữ số tiền: 2.000.000đ của Vũ Thị H để thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Vũ Thị H 01(một) kết sắt nhãn hiệu DIAMOND; 02(hai) chìa khóa; 01 (một) chiếc túi giả da màu đen; 01 (một) Thẻ ngân hàng Lien VietPostBank màu vàng mang tên Vũ Thị H.

Tịch thu tiêu hủy 04(Bốn) quyền sở của Vũ Thị H không yêu cầu lấy lại.

Đối với Nguyễn Thị H1:

Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, chiếc sim tịch thu tiêu hủy.

Tịch thu số tiền 55.000đ tiền bán số đề cho Nông Tú H.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 68.355.000đ nằm trong tổng số tiền 128.355.000đ đã tạm giữ của bị cáo H1 và tiếp tục tạm giữ số tiền 2.000.000đ bị cáo H1 nộp tại Chi cục thi hành án để thi hành án.

Trả lại cho bị cáo H1 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 màu xanh đã qua sử dụng; 01 (một) quyền sở tiết kiệm số 8214848 của Ngân hàng B mang tên Nguyễn Thị H1, số tiền 200.000.000đ.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) thẻ BIDV mang tên NGUYEN THI HIEN; 08 (Tám) bút bi màu đỏ; 01 (một) quyền sở màu vàng..; 01 (một) tờ lịch bị xé đôi...;01 (một) tờ lịch ghi ngày 15/9/2022...; 02 (hai) nửa trang giấy có dòng kẻ ngang...;

Đối với Nông Tú H:

Trả lại cho anh H số tiền 60.000.000đ nằm trong tổng số tiền 128.355.000đ tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị H1; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IteI màu xanh đã qua sử dụng, không lắp thẻ sim; 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, đã qua sử dụng, bên trong có gắn thẻ sim.

Đối với Nguyễn Thị T:

Trả lại cho Nguyễn Thị T 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, đã qua sử dụng, bên trong có gắn thẻ sim.

Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành cho các đối tượng có liên quan đến hành vi đánh bạc của Vũ Thị H và Nguyễn Thị H1, cụ thể như sau:

- Lãng Văn H: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, đã qua sử dụng, bên trong có gắn thẻ sim.

- Bé Ngọc T: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu REALME, đã qua sử dụng, bên trong có gắn thẻ sim.

- Giá Văn D: 01 (một) chiếc điện thoại di động mặt trước in chữ NOKIA, bên trong có gắn thẻ sim.

- Đặng Thị N: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, đã qua sử dụng, bên trong có gắn thẻ sim.

- Hoàng Xuân H: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, đã cũ, bên trong có gắn 02 thẻ sim.

- Vũ Huy T: 01 (một) chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Galaxy Tab A7, đã qua sử dụng, bên trong gắn thẻ sim.

- Nguyễn Thị B: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, đã qua sử dụng, bên gắn 02 thẻ sim và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 Plus, đã qua sử dụng.

Đối với số tiền liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Buộc các bị cáo và các đối tượng có liên quan nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước cụ thể như sau:

- Bị cáo Vũ Thị H: 6.890.000đ
- Bị cáo Nguyễn Thị H1: 6.275.000đ
- Giá Văn D: 960.000đ
- Hoàng Xuân H: 1.700.000đ
- Nguyễn Thị B: 2.190.000đ
- Vũ Huy T: 230.000đ
- Đặng Thị N: 198.000đ
- Bé Ngọc T: 130.000đ
- Lãng Văn H: 50.000đ.

Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136/BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo H, H1 phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Vũ Thị H tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Thị H1 tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nông Tú H và bà Nguyễn Thị M N tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Vũ Thị H được nói lời sau cùng trước khi nghị án: Bị cáo nhận tội và xin giảm hình phạt nhẹ nhất là được hưởng án treo cải tạo tại địa phương.

Bị cáo Nguyễn Thị H1 được nói lời sau cùng trước khi nghị án: Bị cáo nhận tội và xin giảm hình phạt nhẹ nhất là được hưởng án treo cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Chợ Đồn, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân huyện Chợ Đồn trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan và những người tiến hành tố tụng, đã thực hiện đều đúng.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Vũ Thị H và Nguyễn Thị H1: Tại phiên tòa, bị cáo H, bị cáo H1 đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng. Lời khai nhận tội của các bị cáo H và H1 phù hợp với biên bản khám xét khẩn cấp, kết luận giám định, vật chứng, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở khẳng định ngày 13/4/2022, tại địa bàn thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, Vũ Thị H và Nguyễn Thị H1 đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức sử dụng điện thoại di động nhắn tin SMS để mua bán số lô, số đề với nhau và với nhiều người khác thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn phát hiện, cụ thể trong quá trình điều tra đã chứng minh được trong ngày 13/4/2022 H và H1 đã có hành vi đánh bạc với tổng số tiền từng bị cáo như sau:

Vũ Thị H đã có hành vi đánh bạc với tổng số tiền là 18.448.000^d (Mười tám triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng) gồm: Tiền đánh bạc với Nguyễn Thị H1 là 13.890.000^d (mười ba triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng); tiền đánh bạc với Nguyễn Thị B là 3.790.000^d (ba triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng); tiền đánh bạc với Vũ Huy T là 230.000^d (hai trăm ba mươi nghìn đồng), tiền đánh bạc với Bé Ngọc T là 180.000^d (một trăm tám mươi nghìn đồng); tiền đánh bạc với Đặng Thị N là 358.000^d (ba trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Nguyễn Thị H1 đã có hành vi đánh bạc với tổng số tiền là 19.405.000^d (Mười chín triệu bốn trăm lẻ năm nghìn đồng) bao gồm: Tiền đánh bạc với Vũ Thị H là 13.890.000^d (mười ba triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng); tiền đánh bạc với Giá Văn D là 2.160.000^d (hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng); tiền đánh bạc với Hoàng Xuân H là 3.300.000^d (ba triệu ba trăm nghìn đồng), tiền đánh bạc với Nông Tú H là 55.000^d (năm mươi năm nghìn đồng).

Hành vi đánh bạc trái phép của các bị cáo Vũ Thị H, và Nguyễn Thị H1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Điều luật có nội dung:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị

phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Về nhân thân: Đối với bị cáo Vũ Thị H lần phạm tội này không có tiền án, tiền sự nhưng tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 48/2009/HSPT ngày 30/9/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” đã được xóa án tích, tuy nhiên xét về lịch sử của bị cáo H chưa thực sự được coi là có nhân thân tốt. Đối với bị cáo Nguyễn Thị H1 trước lần phạm tội này không có tiền án, tiền sự nên bị cáo H1 có nhân thân tốt.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Vũ Thị H và Nguyễn Thị H1 không có tình tiết tăng nặng nào theo Điều 52/BLHS.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; ngày 06/3/2023 bị cáo Vũ Thị H nộp 2.000.000đ (Hai Triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn mục đích là để thi hành án nếu bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, và bị cáo Vũ Thị H có bố đẻ là Vũ Văn T được Ban chấp hành Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tặng T Kỷ niệm chương TNXP- Xây dựng CNXH. Nên bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị H1 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần này thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, ngày 06/3/2023 bị cáo Nguyễn Thị H1 nộp 2.000.000đ (Hai Triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn mục đích là để thi hành án nếu bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự .

[4] Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng là có căn cứ đúng pháp luật. Mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối bị cáo Vũ Thị H 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng; đối với bị cáo Nguyễn Thị H1 từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng là phù hợp.

[5] Xét về vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án: Căn cứ Điều 17 Bộ luật hình sự quy định về đồng phạm trong vụ án. Thì bị cáo Vũ Thị H và Nguyễn Thị H1 thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức bán số lô, số đề bằng cách sử dụng điện thoại di động nhắn tin cho nhau qua tin nhắn SMS giữa H với H1, H và H1 nhắn tin với những người đánh bạc khác để nhằm mục đích thu lợi

bất chính. Thấy bị cáo H và bị cáo H1 đánh bạc tự thực hiện riêng lẻ, không bàn bạc hay cùng nhau thống nhất mua bán số lô, số đề mà tự mỗi người bán số lô, số đề, thu tiền người mua và chi trả tiền T cho người mua khi trúng. Như vậy, vai trò đồng phạm trong vụ án giữa bị cáo Vũ Thị H và bị cáo Nguyễn Thị H1 thực hiện hành vi đánh bạc với vai trò đồng phạm giản đơn cụ thể là mỗi bị cáo tự thực hành trực tiếp thực hiện một tội phạm là đánh bạc. Do đó, khi lượng hình phạt cần xem xét của từng bị cáo cho phù hợp.

[5] Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Thì Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy hành vi đánh bạc của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh tại địa phương, các bị cáo có sự hiểu biết, nhận thức về pháp luật.

Đối với bị cáo Vũ Thị H xét thấy từ năm 2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, đến thời điểm ngày 13/4/2022 phạm tội đánh bạc này H đã được xóa án tích và được tính trong thời gian chấp hành của bản án cho hưởng án treo 2009 đến ngày phạm tội 13/4/2022 bị cáo đã chứng tỏ có một thời gian dài chấp hành tốt các quy định của địa phương và thấy bị cáo H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị H1 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Mặt khác cả hai bị cáo H, H1 đều có nơi cư trú ĐHKHKT và chỗ ở hiện nay ổn định tại thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên, đối với bị cáo H cần xem xét vận dụng theo tinh thần hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ- HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ tinh thần của nghị quyết, là áp dụng mức hình phạt tù nhưng có thể cho bị cáo H được hưởng án treo cải tạo tại địa phương là phù hợp với đại diện Viện kiểm sát đề nghị nhằm tạo điều kiện cho bị cáo H được hưởng lương khoan hồng và tính nhân văn, nhân đạo của pháp luật, bị cáo H1 được hưởng tính nhân văn, nhân đạo của pháp luật, song vẫn có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, không cần áp dụng hình phạt tù là cách ly xã hội đối với các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và các bị cáo Vũ Thị H và Nguyễn Thị H1 khai tại phiên tòa các bị cáo đều là lao động tự do tại địa phương mức thu nhập tương đối ổn định nên các bị cáo khẳng định việc áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền thì các bị cáo vẫn có khả năng thi hành án đổi

với khoản tiền phạt. Nên áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 3 Điều 321/BLHS là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng như sau:

***. Đối với bị cáo Vũ Thị H và những người liên quan đến H:**

- 01(một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu IPHONE 13, màu phân hồng, đã qua sử dụng số IMEI 1: 35617715190175, số IMEI 2: 356177151850654, bên trong ép sim vật lý số thuê bao 0987.527.666 đã tạm giữ của Vũ Thị H, H sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước, chiếc sim tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền là: 50.000.000đ và 01 (một) đôi bông tai bằng kim loại màu vàng là của bà Nguyễn Thị L (Bà L đã chết ngày 27/5/2022) không liên quan đến vụ án nên trả lại cho chị Nguyễn Thị M N trú tại Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn là con dâu và là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị L.

- Đối với số tiền: 2.900.000đ đã tạm giữ của Vũ Thị H không liên quan đến việc phạm tội cần tiếp tục tạm giữ để thi hành án cho bị cáo H.

- Đối với 01(một) kết sắt màu vàng đồng bằng kim loại nhãn hiệu DIAMOND; 02(hai) chìa khóa một chiếc màu xanh lam, một chiếc màu đỏ; 01 (một) chiếc túi giả da màu đen, dây đeo giả da và kim loại; 01 (một) Thẻ ngân hàng Lien VietPostBank màu vàng, số thẻ 9704490900025241, mang tên Vũ Thị H đã tạm giữ của Vũ Thị H không liên quan đến việc phạm tội tại phiên tòa bị cáo xin được lấy lại nên cần được trả lại cho bị cáo Vũ Thị H .

- Đối với 04(Bốn) quyển sổ bên trong có chữ, số viết tay và 01 (một) quyển sổ bên trong không ghi chữ, số các loại đã tạm giữ của Vũ Thị H đều không có liên quan đến việc phạm tội và tại phiên tòa bị cáo H không yêu cầu lấy lại nên tịch thu tiêu hủy .

***. Đối với bị cáo Nguyễn Thị H1:**

- Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng đồng nhãn hiệu IPHONE 6 số IMEI: 356991063505184, đã qua sử dụng, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0986.588.622, đã tạm giữ của Nguyễn Thị H1, H1 sử dụng vào việc phạm tội cần được tịch thu hóa giá sung vào ngân sách nhà nước, chiếc sim tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 55.000đ là tiền H1 bán số đề cho Nông Tú H mà có, đã được H trả cho H1 50.000đ và H1 không lấy thêm của H 5.000đ. Số tiền 55.000đ bị cáo H1 dùng để đánh bạc cần được tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với số tiền 68.355.000đ nằm trong tổng số tiền 128.355.000đ đã tạm giữ của bị cáo H1 không liên quan đến việc phạm tội cần tiếp tục tạm giữ để thi hành án cho bị cáo H1 (Trong đó có số tiền 50.000đ H1 đánh bạc với H).

- Đối với 01(một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu IPHONE 11 màu xanh, đã qua sử dụng số IMEI 1: 356552103226429, số IMEI 2: 356552103186599, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0985.331.547; 01 (một) quyển sổ tiết kiệm số 8214848 của Ngân hàng B mang tên Nguyễn Thị H1, số tiền 200.000.000đ không liên quan đến việc phạm tội cần được trả lại cho bị cáo H1.

- Đối với 01 (một) thẻ BIDV số 9704180089616668 mang tên NGUYEN THI HIEN; 08 (Tám) bút bi màu đỏ nhãn hiệu matixs; 01 (một) quyển sổ màu vàng, mặt trước có ghi “ Giáo án”, bên trong có ghi các số và chữ bằng mực màu đỏ và 70 (bảy mươi) tờ giấy có dòng kẻ được cắt đôi; 01 (một) tờ lịch bị xé đôi ghi tháng tư/2022, mặt sau có ghi các chữ và số; 01 (một) tờ lịch ghi ngày 25/9/2022 trên mặt có ghi các chữ và số; 02 (hai) nửa trang giấy có dòng kẻ ngang có ghi nhiều chữ, số; 01 (một) máy tính nhãn hiệu casio đã qua sử dụng; đã tạm giữ của bị cáo H1 và tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu được trả lại cần được tịch thu tiêu hủy:

* Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Nông Tú H:

- Đối với số tiền 60.000.000đ nằm trong tổng số tiền 128.355.000đ đã tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị H1; 01 (một) chiếc điện thoại di động loại bàn phím, nhãn hiệu IteI màu xanh, đã qua sử dụng số IMEI 1: 357626135708007, số IMEI 2: 357626135708015, không lắp thẻ sim; 01(một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu IPHONE 6, mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng đồng, số IMEI: 355403079128325, đã qua sử dụng, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0373.130.213 không liên quan đến việc phạm tội nên cần được trả lại cho anh H .

* Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị T:

- Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu nâu, loại điện thoại bàn phím, số Seri 1: 353120115091927, đã qua sử dụng, bên trong có gắn thẻ sim số thuê bao: 0384.124.716 không liên quan đến việc phạm tội cần được trả lại cho bà Nguyễn Thị T .

* Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã sử dụng điện thoại có liên quan đến hành vi đánh bạc của Vũ Thị H và Nguyễn Thị H1, cụ thể cần tạm giữ điện thoại của từng người như sau:

- Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen, loại điện thoại màn hình đen trắng có bàn phím, số IMEI 1: 357712106210510, số IMEI 2: 357712108210518, đã qua sử dụng, bên trong có gắn thẻ sim số thuê bao: 0982. 173.519 đã tạm giữ của Lăng Văn H cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án cho Lăng Văn H.

- Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu REALME, màu xanh đen, loại điện thoại màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 868383040731235, số IMEI 2: 868383040731227, đã qua sử dụng, bên trong gắn thẻ sim 0393.310.872, đã tạm giữ của Bé Ngọc T cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án cho Bé Ngọc T .

- Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động bàn phím, mặt trước và sau màu đỏ trắng, viền xung quanh màu trắng đen, mặt trước in chữ NOKIA, bên trong gắn thẻ sim 0355.521.042, đã tạm giữ của Giá Văn D cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án cho Giá Văn D.

- Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu xanh đen, loại điện thoại bàn phím, số IMEI 1: 352377076536743, số IMEI 2:

352377076536750, đã qua sử dụng, bên trong gắn 02 thẻ sim số thuê bao: 0367.605.071 và 0982.976.714 đã tạm giữ của Đặng Thị N cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án cho Đặng Thị N.

- Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Redmi, mặt sau màu xanh đen đã cũ, số IMEI 1: 3863719054078606, số IMEI 2: 863719054078614, bên trong gắn thẻ sim thuê bao 0392.896.608, đã tạm giữ của Hoàng Xuân H cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án cho Hoàng Xuân H.

- Đối với 01(một) chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Galaxy Tab A7 Lite màu bạc, số IMEI: 359638220387603, đã qua sử dụng, bên trong gắn thẻ sim thuê bao 0962.192.377, đã tạm giữ của Vũ Huy T cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án cho Vũ Huy T.

- Đối với 01 (một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màn hình cảm ứng, mặt sau màu đỏ đen, số IMEI 1: 863481049909532, số IMEI 2: 863481049909524, đã qua sử dụng, bên trong gắn 02 thẻ sim số thuê bao 0868.860.199 và 0966.031.511. Và đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu IPHONE 7 Plus, mặt sau màu vàng đồng, số IMEI : 353812080646947, đã qua sử dụng, đã tạm giữ của Nguyễn Thị B cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án cho Nguyễn Thị B.

Đối với tổng số tiền 181.255.000đ (Một trăm tám mươi một triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng) được đựng trong 05 phong bì niêm phong trong 01 phong bì ký hiệu KB1.

Các vỏ phong bì, hộp giấy có liên quan đến việc đóng gói mở niêm phong không có giá trị tịch thu tiêu hủy.

(Tất cả các vật chứng nêu trên về chủng loại, số lượng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ, niêm phong, kiểm tra theo quy định.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn và Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn ngày 09 tháng 02 năm 2023)

Đối với số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của bị cáo Vũ Thị H và đối với số tiền 2.000.000đ của bị cáo Nguyễn Thị H1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn ngày 06/3/2023 cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo H và bị cáo H1.

* Buộc các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp lại số tiền liên quan đến hành vi phạm tội “Đánh bạc” để sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

- Buộc bị cáo Vũ Thị H nộp lại số tiền: 6.890.000đ
- Buộc bị cáo Nguyễn Thị H1 nộp lại số tiền: 6.275.000đ
- Buộc Giá Văn D nộp lại số tiền: 960.000đ
- Buộc Hoàng Xuân H nộp lại số tiền: 1.700.000đ
- Buộc Nguyễn Thị B nộp lại số tiền: 2.190.000đ
- Buộc Vũ Huy T nộp lại số tiền: 230.000đ
- Buộc Đặng Thị N nộp lại số tiền: 198.000đ

- Buộc Bé Ngọc T nộp lại số tiền: 130.000đ

- Buộc Lăng Văn H nộp lại số tiền: 50.000đ

* Đối với các tài sản, đồ vật khác không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, không liên quan đến vụ án và các chủ sở **H** đều có đơn xin nhận lại. Xét thấy không cần thiết phải tạm giữ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn đã trả lại cho chủ sở **H** hợp pháp gồm:

- 01 (một) thẻ căn cước công dân số 006173002639 của Vũ Thị H ;

- 01 (một) Giấy phép lái xe số 061047001267 của Vũ Thị H.

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Nguyễn Văn V;

- 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô - xe máy số 21XMP213537479; 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE 7, màu vàng, đã qua sử dụng. Số IMEI: 355315085776972, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0987.035.504 của Nguyễn Văn V (Nguyễn Thị M N).

- 01 (một) Đăng ký mô tô, xe máy, biển số đăng ký 97F8-2411, nhãn hiệu HONDA; số loại BLADE, màu đỏ đen bạc, cấp ngày 07/4/2010; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện mô tô - xe máy số 21XMP213537478 của Trần Thị H.

- 01 (một) Căn cước công dân số 006178002267 mang tên Nguyễn Thị H1; 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở **H** nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BA984137 mang tên Mã Thị D, trú tại tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; 01 (một) giấy vay tiền của Mã Thị D, trú tại tổ A, thị trấn B, Chợ Đồn, Bắc Kạn; 01 (một) giấy vay tiền của Đặng Văn Q, trú tại Nguyễn Thị B, thị trấn B, Chợ Đồn, Bắc Kạn của **Nguyễn Thị H1**.

- 01 (một) căn cước công dân của Nguyễn Thị B.

- 01 (một) Giấy chứng minh thư nhân dân của Nguyễn Thị T.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màn hình cảm ứng, mặt sau màu đen, số IMEI 1: 868490036757296, số IMEI 2: 868490036757284, điện thoại đã qua sử dụng của Vũ Văn Ngọc.

[7] Đối với Nguyễn Thị B, Vũ Huy T, Bé Ngọc T, Lăng Văn H, Đặng Thị N, Giá Văn D, Hoàng Xuân H, Nông Tú H là những người có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức mua số lô, số đề với Vũ Thị H và Nguyễn Thị H1 vào ngày 13/4/2022 và Vũ Huy T còn được mua số lô, số đề với Vũ Thị H trước đó. Quá trình điều tra xác định số tiền những người này dùng để đánh bạc chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và ngoài ra bản thân những người này thời điểm ngày 13/4/2022 không có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc. Kết thúc điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Chợ Đồn đã chuyển hành vi, vi phạm của những người này để xem xét ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

[8] Đối với Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 trú tại Tổ 11/9, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (*Tạm trú Thôn P, xã B, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn*): Theo lời khai của bị cáo Nguyễn Thị H1 và tin nhắn từ số điện thoại thuê bao

0354.125.416 còn **L** trong máy điện thoại của bị cáo H1 thể hiện: Ngày 13/4/2022, Nguyễn Thị T có nhắn tin mua số lô, số đề với bị cáo H1 với tổng số tiền là 870.000^d (*Tám trăm bảy mươi nghìn đồng*). Tuy nhiên quá trình điều tra chị **T** khai nhận không được đánh bạc với H1 như H1 đã khai và bản thân không sử dụng số thuê bao 0354.125.416. Qua thu thập xác định số điện thoại thuê bao 0354.125.416 do Nguyễn Thị N, sinh năm 1958 trú tại tổ 1, ấp V, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang đứng tên đăng ký thông tin thuê bao. Tuy nhiên quá trình điều tra, xác minh chị N khai nhận bản thân không biết vì sao thông tin đăng ký số điện thoại thuê bao 0354.125.416 lại mang thông tin của chị và chị không sử dụng số thuê bao trên, cũng như không quen biết với Nguyễn Thị H1. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn không xem xét xử lý đối với Nguyễn Thị T là phù hợp.

[9] Đối với người đàn ông tên **H** (*H1 không rõ họ tên, địa chỉ*): Theo lời khai của bị cáo H1 và tin nhắn từ số điện thoại thuê bao 0326.760.313 còn **L** trong máy điện thoại của bị cáo H1 thể hiện: Ngày 13/4/2022, người đàn ông tên **H** có nhắn tin mua số lô, số đề với H1 với tổng số tiền là 2.589.000^d (*Hai triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng*). Tuy nhiên qua thu thập xác định số điện thoại thuê bao 0326.760.313 lại là do Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1994, trú tại P, xã C, huyện P, tỉnh An Giang đứng tên đăng ký thông tin thuê bao. Kết quả xác minh tại địa phương không xác định được người đứng tên là Lê Thị Ngọc M. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn không đủ căn cứ xem xét xử lý đối với người đàn ông tên **H** là phù hợp.

[10] Đối với người đàn ông tên N (*H1 không rõ họ tên, địa chỉ*): Theo lời khai của bị cáo Nguyễn Thị H1 và tin nhắn từ số điện thoại thuê bao 0965.430.319 còn **L** trong máy điện thoại của bị cáo H1 thể hiện: Ngày 13/4/2022, người đàn ông tên N có nhắn tin mua số lô, số đề với bị cáo H1 với tổng số tiền là 4.868.000^d (*Bốn triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng*). Qua xác minh, thu thập đã xác định số điện thoại thuê bao 0965.430.319 lại là do Lê Thị T, sinh năm 1986 trú tại V, huyện T, tỉnh Thái Bình đứng tên đăng ký thông tin thuê bao. Qua đó đã tiến hành xác minh tại địa phương không có người nào có lai lịch là Lê Thị T. Nên kết thúc điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn không đủ căn cứ xem xét xử lý là phù hợp.

[11] Đối với Triệu Tài L, sinh năm 1976 trú tại Thôn P, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn khai nhận: Ngày 13/4/2022, **L** có được sử dụng số điện thoại có số thuê bao 0853.649.488 (*Do L đứng tên đăng ký thông tin số thuê bao*) nhắn tin đến số thuê bao 0354.125.416 để mua số lô, số đề với Nguyễn Thị T. Tuy nhiên **L** không nhớ đã mua những số gì, bao nhiêu tiền. Nguyễn Thị T không thừa nhận việc bản thân được bán số lô, số đề cho **L** và số thuê bao 0354.125.416 không phải của **T**. Nên kết thúc điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn không đủ xem xét xử lý là phù hợp.

[12] Đối với người phụ nữ tên P (*Nguyễn Thị B không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể*): Theo lời khai của Nguyễn Thị B và tin nhắn từ số điện thoại thuê bao 0332.520.858 còn **L** trong máy điện thoại của B thể hiện: Ngày 13/4/2022, B có nhắn tin mua số lô, số đề với Phượng với tổng số tiền là 5.540.000^d (năm triệu năm

trăm bốn mươi nghìn đồng). Tuy nhiên qua thu thập xác định số điện thoại thuê bao 0332.520.858 do Lục Thị L, sinh năm 1966 trú tại Tiểu K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đứng tên đăng ký thông tin thuê bao. Quá trình điều tra, xác minh chị L khai nhận bản thân không biết vì sao thông tin đăng ký số điện thoại thuê bao 0332.520.858 lại mang thông tin của chị và chị không sử dụng số thuê bao trên. Kết thúc điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn không đủ căn cứ để xem xét xử.

[13] Đối với Tô Văn L, sinh năm 1986 trú tại Xóm B, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên là người đứng tên và đăng ký số thuê bao 0986.588.662 sau đó anh L đã cho Nguyễn Thị H1 sử dụng. Quá trình điều tra xác định được Tô Văn L không biết việc bị cáo H1 sử dụng số thuê bao 0986.588.662 vào việc đánh bạc. Nên kết thúc điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn không đủ căn cứ để xem xét xử lý đối với Tô Văn L là phù hợp.

[14] Đối với Nông Thái D, sinh ngày 22/6/2004 trú tại Tổ 6B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn là người đứng tên đăng ký số thuê bao 0394.132.387 (Sim do Vũ Thị H sử dụng để liên lạc đánh bạc); Hoàng Thị N, sinh năm 1992 trú tại thôn N, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Kạn đứng tên đăng ký số thuê bao 0373.130.213 (Sim do Nông Tú H sử dụng để liên lạc đánh bạc); Nguyễn Thị N, sinh năm 1958 trú tại tổ 1, ấp V, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang đứng tên đăng ký thông tin thuê bao 0354.125.416; Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1994, trú tại P, xã C, huyện P, tỉnh An Giang đứng tên đăng ký thông tin thuê bao 0326.760.313; Lê Thị T, sinh năm 1986 trú tại V, huyện V, tỉnh Thái B đứng tên đăng ký thông tin thuê bao 0965.430.319 và Lục Thị L, sinh năm 1966 trú tại Tiểu K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đứng tên đăng ký thông tin thuê bao 0332.520.858. Các số thuê bao này đều liên quan đến nội dung tin nhắn đánh bạc với Vũ Thị H, Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Thị B. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định những người này không biết hay liên quan gì đến việc đăng ký thông tin các số thuê bao trên và không liên quan đến hành vi đánh bạc của H, H1 và B. Nên kết thúc điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn không xem xét xử lý là phù hợp.

[15] Về án phí: Các bị cáo Vũ Thị H và Nguyễn Thị H1 mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ để sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Thị H và Nguyễn Thị H1 phạm tội “Đánh bạc”.

Căn Cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 35, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Thị H: 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. *Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của*

Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Phạt bổ sung bị cáo H 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước theo khoản 3 Điều 321/BLHS. Việc thi hành án khoản tiền phạt được thực hiện theo Điều 357/BLDS.

Căn Cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 35, Điều 38, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H1: 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự . *Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

Phạt bổ sung bị cáo H1 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước theo khoản 3 Điều 321/BLHS. Việc thi hành án khoản tiền phạt được thực hiện theo Điều 357/BLDS.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a,b,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

*** Đối với bị cáo Vũ Thị H và những người liên quan đến H:**

- Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước của Vũ Thị H 01(một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE 13, màu phấn hồng, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 35617715190175, số IMEI 2: 356177151850654, bên trong ép sim vật lý số thuê bao 0987.527.666, chiếc sim tịch thu tiêu hủy.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị M N là con dâu và là người đại diện hợp pháp của bà (Nguyễn Thị L đã chết ngày 27/5/2022) trú tại Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn số tiền là: 50.000.000đ và 01 (một) đôi bông tai bằng kim loại màu vàng.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền: 2.900.000đ của Vũ Thị H để đảm bảo công tác thi hành án cho bị cáo H.

- Trả lại cho Vũ Thị H gồm: 01(một) kết sắt nhãn hiệu DIAMOND; 02(hai) chìa khóa một chiếc màu xanh lam, một chiếc màu đỏ; 01 (một) chiếc túi giả da màu đen, dây đeo giả da và kim loại; 01 (một) Thẻ ngân hàng Lien VietPostBank màu vàng, số thẻ 9704490900025241, mang tên Vũ Thị H.

- Tịch thu tiêu hủy của Vũ Thị H gồm: 04 (Bốn) quyển sổ bên trong có chữ, sổ viết tay và 01 (một) quyển sổ bên trong không ghi chữ, sổ.

*** Đối với bị cáo Nguyễn Thị H1:**

- Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách nhà nước của Nguyễn Thị H1 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng đồng, nhãn hiệu IPHONE 6, số IMEI: 356991063505184, đã qua sử dụng, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0986.588.622, chiếc sim tịch thu tiêu hủy.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 55.000đ là tiền H1 bán số đề cho Nông Tú H đã được H trả cho H1 50.000đ và H1 không lấy thêm của H 5.000đ.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 68.355.000đ nằm trong tổng số tiền 128.355.000đ (Trong đó có số tiền 50.000đ H1 đánh bạc với H) để đảm bảo công tác thi hành án cho bị cáo H1.

- Trả lại cho bị cáo H1 01(một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu IPHONE 11 màu xanh, đã qua sử dụng số IMEI 1: 356552103226429, số IMEI 2: 356552103186599, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0985.331. 547; 01 (một) quyển sổ tiết kiệm số 8214848 của Ngân hàng B mang tên Nguyễn Thị H1, số tiền 200.000.000đ.

- Tịch thu tiêu hủy của Nguyễn Thị H1: 08 (Tám) bút bi màu đỏ nhãn hiệu matixs; 01 (một) quyển sổ màu vàng mặt trước có ghi “ Giáo án”, bên trong có ghi các số và chữ bằng mực màu đỏ và 70 (bảy mươi) tờ giấy có dòng kẻ được cắt đôi; 01 (một) tờ lịch bị xé đôi ghi tháng tư/2022, mặt sau có ghi các chữ và số; 01(một) tờ lịch ghi ngày 25/9/2022 trên mặt có ghi các chữ và số; 02 (hai) nửa trang giấy có dòng kẻ ngang có ghi nhiều chữ, số. 01 (một) thẻ BIDV số 9704180089616668 mang tên NGUYEN THI H; 01(một) máy tính nhãn hiệu casio đã qua sử dụng.

*** Đối với anh Nông Tú H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Trả lại cho anh Nông Tú H số tiền 60.000.000đ, nằm trong tổng số tiền 128.355.000đ đã tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị H1; 01 (một) chiếc điện thoại di động loại bàn phím, nhãn hiệu IteI màu xanh, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 357626135708007, số IMEI 2: 357626135708015, không lắp thẻ sim; và 01(một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu IPHONE 6, mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng đồng, số IMEI: 355403079128325, đã qua sử dụng, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0373.130.213.

*** Đối với bà Nguyễn Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị T 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu nâu, loại điện thoại bàn phím, số Seri 1: 353120115091927, đã qua sử dụng, bên trong có gắn thẻ sim số thuê bao: 0384.124.716.

*** Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã sử dụng điện thoại có liên quan đến hành vi đánh bạc của Vũ Thị H và Nguyễn Thị H1, cần tiếp tục tạm giữ điện thoại cụ thể từng người như sau:**

- Tiếp tục tạm giữ của Lăng Văn H 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen, loại điện thoại màn hình đen trắng có bàn phím, số IMEI 1: 357712106210510, số IMEI 2: 357712108210518, đã qua sử dụng, bên trong có gắn thẻ sim số thuê bao: 0982. 173.519 để đảm bảo công tác thi hành án cho Lăng Văn H.

- Tiếp tục tạm giữ của Bé Ngọc T 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu REALME, màu xanh đen, loại điện thoại màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 868383040731235, số IMEI 2: 868383040731227, đã qua sử dụng, bên trong có gắn thẻ sim 0393.310.872 để đảm bảo công tác thi hành án cho Bé Ngọc T .

- Tiếp tục tạm giữ của Giá Văn D 01 (một) chiếc điện thoại di động bàn phím, mặt trước và sau màu đỏ trắng, viền xung quanh màu trắng đen, mặt trước in chữ NOKIA, bên trong có gắn thẻ sim 0355.521.042 để đảm bảo công tác thi hành án cho Giá Văn D.

- Tiếp tục tạm giữ của Đặng Thị N 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu xanh đen, loại điện thoại bàn phím, số IMEI 1: 352377076536743, số IMEI 2: 352377076536750, đã qua sử dụng, bên trong có gắn 02 thẻ sim số thuê bao: 0367.605.071 và 0982.976.714 để đảm bảo công tác thi hành án cho Đặng Thị N.

- Tiếp tục tạm giữ của Hoàng Xuân H 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Redmi, mặt sau màu xanh đen đã cũ, số IMEI 1: 3863719054078606, số IMEI 2: 863719054078614, bên trong gắn thẻ sim thuê bao 0392.896.608, để đảm bảo công tác thi hành án cho Hoàng Xuân H.

- Tiếp tục tạm giữ của Vũ Huy T 01 (một) chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Galaxy Tab A7 Lite màu bạc, số IMEI: 359638220387603, đã qua sử dụng, bên trong gắn thẻ sim thuê bao 0962.192.377, để đảm bảo công tác thi hành án cho Vũ Huy T.

- Tiếp tục tạm giữ của Nguyễn Thị B 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màn hình cảm ứng, mặt sau màu đỏ đen, số IMEI 1: 863481049909532, số IMEI 2: 863481049909524, đã qua sử dụng, bên trong gắn 02 thẻ sim số thuê bao 0868.860.199 và 0966.031.511. Và 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu IPHONE 7 Plus, mặt sau màu vàng đồng, số IMEI: 353812080646947, đã qua sử dụng để đảm bảo công tác thi hành án cho Nguyễn Thị B.

*** Buộc các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án phải nộp lại số tiền sử dụng liên quan đến hành vi phạm tội “Đánh bạc” để sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể đối với từng người như sau:**

- Buộc bị cáo Vũ Thị H nộp lại số tiền: 6.890.000đ
- Buộc bị cáo Nguyễn Thị H1 nộp lại số tiền: 6.275.000đ
- Buộc Giá Văn D nộp lại số tiền: 960.000đ
- Buộc Hoàng Xuân H nộp lại số tiền: 1.700.000đ
- Buộc Nguyễn Thị B nộp lại số tiền: 2.190.000đ
- Buộc Vũ Huy T nộp lại số tiền: 230.000đ
- Buộc Đặng Thị N nộp lại số tiền: 198.000đ
- Buộc Bế Ngọc T nộp lại số tiền: 130.000đ
- Buộc Lăng Văn H nộp lại số tiền: 50.000đ

Các vỏ phong bì, vỏ hộp giấy có liên quan đến việc đóng, gói, mở niêm phong không có giá trị tịch thu tiêu hủy

(Tất cả các vật chứng nêu trên về chủng loại, số lượng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ, niêm phong, kiểm tra theo quy định. Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện C, tỉnh Bắc Kạn và Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn ngày 09 tháng 02 năm 2023)

Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của bị cáo Vũ Thị H và số tiền 2.000.000đ của bị cáo Nguyễn Thị H1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn ngày 06/3/2023 để đảm bảo thi hành án cho bị cáo H và bị cáo H1.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải nộp số tiền: 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Xử án công khai sơ thẩm các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- Công an huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- Các bị cáo; Người QLNVLQ;
- L hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Cạn